

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1336/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2017***QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao tại Tờ trình số 263/TTr-SVHTT ngày 18 tháng 01 năm 2017 và Tờ trình số 718/TTr-SVHTT ngày 24 tháng 02 năm 2017 Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 2333/TTr-STP ngày 16 tháng 3 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 06 thủ tục hành chính mới ban hành,

14 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và 02 thủ tục hành chính thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao.

Danh mục và nội dung chi tiết của thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Lê Thanh Liêm

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2017 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao

I. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định thủ tục hành chính mới
Lĩnh vực di sản văn hoá		
1.	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích.	<p>+ Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2002.</p> <p>+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.</p> <p>+ Nghị định 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.</p>
2.	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích do hết hạn sử dụng hoặc bị hỏng.	
3.	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích do bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề.	
4.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	
5.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích do hết hạn sử dụng hoặc bị hỏng.	
6.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích do bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề.	

II. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

ST T	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên Văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
I. Lĩnh vực điện ảnh			
1	TT- HCM- 270945- TT	Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim (- Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu; - Cấp giấy phép phổ biến phim truyện khi năm trước liền kề, các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương đáp ứng các điều kiện: + Sản xuất ít nhất 10 phim truyện nhựa được phép phổ biến; + Nhập khẩu ít nhất 40 phim truyện nhựa được phép phổ biến)	– Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực điện ảnh. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.
2	T- HCM- 270946- TT	Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu).	
II. Lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn			
1	T-HCM- 270947- TT	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương.	– Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ

2	T-HCM-270952-TT	Thủ tục cấp giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu cho các tổ chức thuộc địa phương.	sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2016. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.
3	T-HCM-270949-TT	Thủ tục cấp giấy phép cho đối tượng thuộc địa phương mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang tại địa phương.	<p>– Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn; phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p>

4	T-HCM-270950-TT	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương	
5	T-HCM-270953-TT	Thủ tục thông báo nội dung chương trình biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu.	<p>– Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2016. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p>
6.	T-HCM-270948-TT	Thủ tục cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc địa phương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang	<p>– Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn; phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p>

III. Lĩnh vực văn hoá cơ sở			
1	T-HCM-270954-TT	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh karaoke.	– Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép kinh doanh karaoke, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh vũ trường. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.
2	T-HCM-270955-TT	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh vũ trường.	

B. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan khác (Phòng Kiểm tra văn hóa phẩm xuất nhập khẩu trực thuộc Sở Văn hóa và Thể thao)

I. Lĩnh vực xuất nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh			
1	T-HCM-271615-TT	Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa và Thể thao.	– Thông tư số 260/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định nội dung văn hoá phẩm xuất khẩu, nhập khẩu. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.
2	T-HCM-270768-TT	Thủ tục giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức ở địa phương.	
II. Lĩnh vực nhập khẩu văn hóa phẩm nhằm mục đích kinh doanh			

1	T-HCM-270767-TT	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu	– Thông tư số 260/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định nội dung văn hoá phẩm xuất khẩu, nhập khẩu. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.
2	T-HCM-270765-TT	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu	

Phần II: NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**A. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao****I. Thủ tục hành chính mới ban hành****Lĩnh vực di sản văn hóa****1. Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích****a) Trình tự thực hiện:**

– Bước 1: Cá nhân nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ và cấp biên nhận cho người nộp (trường hợp nộp trực tiếp).

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ.

– Bước 3: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

– Bước 4: Cá nhân căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

Chứng chỉ hành nghề có hiệu lực trong thời hạn năm (05) năm.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị (theo mẫu);

+ Bản sao Chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng, hành nghề thiết kế xây dựng, hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình, bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành xây dựng, kiến trúc liên quan đến hoạt động đề

ngiht cấp Chứng chỉ hành nghề quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều 9 Nghị định 61/2016/NĐ-CP; cụ thể là:

- Có chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng;
 - Có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng;
 - Có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng hoặc người có trình độ đại học trở lên thuộc các chuyên ngành xây dựng;
 - Có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình;
- + Bản sao chứng chỉ hoặc chứng nhận đã tham gia chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích;
- + 02 ảnh màu cỡ 3x4 cm chụp trong năm đề nghị cấp.
- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (Theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 61/2016/NĐ-CP);
- Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (Theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 61/2016/NĐ-CP);

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích (sau đây gọi chung là Chứng chỉ hành nghề) được cấp cho cá nhân khi đáp ứng các điều kiện đối với từng trường hợp cụ thể sau:

- Chứng chỉ hành nghề lập quy hoạch tu bổ di tích:
 - + Có chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng;
 - + Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

– Chứng chỉ hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích:

+ Có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng;

+ Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

– Chứng chỉ hành nghề thi công tu bổ di tích:

+ Có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng hoặc người có trình độ đại học trở lên thuộc các chuyên ngành xây dựng;

+ Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

– Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công tu bổ di tích:

+ Có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình;

+ Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2002.

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

+ Nghị định 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

Mẫu số 05

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng..... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
BẢO QUẢN, TU BỒ, PHỤC HỒI DI TÍCH**

Kính gửi: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/
Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao

1. Họ và tên (viết bằng chữ in hoa):

- Ngày, tháng, năm sinh:

- Nơi sinh:

- Quốc tịch:

- Giấy CMND hoặc Mã số định danh cá nhân: Số ngày cấp/...../..... nơi cấp

- Địa chỉ thường trú:

2. Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành đào tạo được ghi trong văn bằng, chứng chỉ đã được cấp):

3. Kinh nghiệm chuyên môn về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích liên quan đến hoạt động đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề (ghi theo bản khai kinh nghiệm chuyên môn đã được tổ chức nơi đã làm việc hoặc đang làm việc xác nhận):

Căn cứ quy định tại Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, tôi trân trọng đề nghị Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thaoxem xét, cấp Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích cho các hoạt động sau (căn cứ vào quy định tại Điều 9 Nghị định số/2016/NĐ-CP để xác định hoạt động đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề):

.....

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (gửi kèm hồ sơ); cam kết hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo đúng nội dung ghi trong Chứng chỉ hành nghề được

cấp, thực hiện đúng quy định tại Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2016 của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

CÁ NHÂN LÀM ĐƠN
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Mẫu số 06

Trách nhiệm của người được cấp Chứng chỉ hành nghề:

- Thực hiện hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích trong phạm vi cho phép của Chứng chỉ hành nghề;
- Tuân thủ các quy định của pháp luật về di sản văn hóa, về xây dựng và các quy định của pháp luật khác có liên quan;
- Không được cho người khác thuê, mượn hoặc sử dụng Chứng chỉ hành nghề;
- Không tẩy xóa, sửa chữa Chứng chỉ hành nghề;
- Xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

(Trang 4-mặt ngoài)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHỨNG CHỈ
HÀNH NGHỀ BẢO QUẢN, TU BỒ,
PHỤC HỒI DI TÍCH**

(Trang 1-mặt ngoài)

<p>Ảnh 3x4 của người được cấp chứng chỉ (đóng dấu nổi của cơ quan cấp chứng chỉ)</p>	<p>.....</p> <p><i>Chữ ký của người được cấp chứng chỉ</i></p> <p>Thông tin của người được cấp chứng chỉ:</p> <p>- Giấy CMND hoặc Mã số định danh cá nhân:.....</p> <p>cấp ngày / / tại</p> <p>- Quốc tịch:</p> <p>Số chứng chỉ:</p> <p>(Trang 2- mặt trong)</p>	<p>SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH.../ SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO</p> <p>-----</p> <p>- Cấp cho ông/bà:</p> <p>- Ngày tháng năm sinh:</p> <p>- Địa chỉ thường trú:</p> <p>.....</p> <p>- Được phép hành nghề hoạt động:</p> <p>1.</p> <p>2.</p> <p>3.</p> <p>4.</p> <p>Chứng chỉ có giá trị trên phạm vi toàn quốc đến ngày:.... / /</p> <p>....., ngày ... / ... /</p> <p>GIÁM ĐỐC</p> <p>(Ký, họ và tên, đóng dấu)</p> <p>(Trang 3- mặt trong)</p>
--	--	---

2. Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích do hết hạn sử dụng hoặc bị hỏng

a) Trình tự thực hiện:

– Bước 1: Cá nhân có chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích đã được cấp hết hạn sử dụng hoặc bị hỏng nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– Bước 3: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp lại Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

– Bước 4: Cá nhân căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị (theo mẫu);

+ Bản chính Chứng chỉ hành nghề đã được cấp;

+ 02 ảnh màu cỡ 3x4 cm chụp trong năm đề nghị cấp lại;

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp

lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (hoặc Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích). (Theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 61/2016/NĐ-CP);

– Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (Theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 61/2016/NĐ-CP);

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích (sau đây gọi chung là Chứng chỉ hành nghề) được cấp cho cá nhân khi đáp ứng các điều kiện đối với từng trường hợp cụ thể sau:

– **Chứng chỉ hành nghề lập quy hoạch tu bổ di tích:**

+ Có chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng;

+ Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

– **Chứng chỉ hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích:**

+ Có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng;

+ Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

– **Chứng chỉ hành nghề thi công tu bổ di tích:**

+ Có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng hoặc người có trình độ đại học trở lên thuộc các chuyên ngành xây dựng;

+ Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

– **Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công tu bổ di tích:**

- + Có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình;
- + Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2002.

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

+ Nghị định 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

Mẫu số 07**TÊN TỔ CHỨC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

(Đối với trường hợp tổ chức
yêu cầu cấp lại Giấy chứng
nhận hành nghề)

....., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HÀNH NGHỀ BẢO QUẢN,
TU BỒ, PHỤC HỒI DI TÍCH (HOẶC CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
BẢO QUẢN, TU BỒ, PHỤC HỒI DI TÍCH)**

Kính gửi: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/
Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề hoặc Chứng chỉ hành nghề (viết bằng chữ in hoa):

.....

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Giấy CMND hoặc Mã số định danh cá nhân: Số ngày cấp/
...../ nơi cấp (đối với trường hợp cá nhân đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề):
.....

2. Nội dung:

Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề hoặc Chứng chỉ hành nghề.

- Số Giấy chứng nhận hành nghề hoặc Chứng chỉ hành nghề đã cấp:

.....

- Ngày, tháng, năm cấp:

- Lý do cấp lại:

+ Bổ sung nội dung hành nghề (nêu rõ những thông tin đề nghị bổ sung nội dung hành nghề).

+ Giấy chứng nhận hành nghề hoặc Chứng chỉ hành nghề đã được cấp bị hỏng (nêu

rõ lý do bị hỏng);

+ Giấy chứng nhận hành nghề hoặc Chứng chỉ hành nghề đã được cấp bị mất (nêu rõ lý do bị mất).

3. Cam kết: Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề (hoặc Chứng chỉ hành nghề) (gửi kèm hồ sơ); thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**TỔ CHỨC HOẶC CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN HÀNH NGHỀ
(HOẶC CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ)**

*(Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ người ký, đóng dấu đối với tổ chức)
(Ký, ghi rõ họ, tên đối với cá nhân)*

Trách nhiệm của người được cấp Chứng chỉ hành nghề:

- Thực hiện hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích trong phạm vi cho phép của Chứng chỉ hành nghề;
- Tuân thủ các quy định của pháp luật về di sản văn hóa, về xây dựng và các quy định của pháp luật khác có liên quan;
- Không được cho người khác thuê, mượn hoặc sử dụng Chứng chỉ hành nghề;
- Không tẩy xóa, sửa chữa Chứng chỉ hành nghề;
- Xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

(Trang 4-mặt ngoài)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHỨNG CHỈ
HÀNH NGHỀ BẢO QUẢN, TU BỒ,
PHỤC HỒI DI TÍCH**

(Trang 1-mặt ngoài)

Ảnh 3x4 của người được cấp chứng chỉ (đóng dấu nổi của cơ quan cấp chứng chỉ)

.....
Chữ ký của người được cấp chứng chỉ

Thông tin của người được cấp chứng chỉ:

- Giấy CMND hoặc Mã số định danh cá nhân:.....

cấp ngày .../.../... tại

- Quốc tịch:

Số chứng chỉ:

(Trang 2- mặt trong)

SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH.../
SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO

- Cấp cho ông/bà:

- Ngày tháng năm sinh:

- Địa chỉ thường trú:

.....
- Được phép hành nghề hoạt động:

1.

2.

3.

4.

Chứng chỉ có giá trị trên phạm vi toàn quốc đến ngày:.../.../.....

....., ngày .../.../.....

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ và tên, đóng dấu)

(Trang 3- mặt trong)

3. Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích do bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề.

a) Trình tự thực hiện:

– Bước 1: Cá nhân có chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích đã được cấp bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ và cấp biên nhận cho người nộp (trường hợp nộp trực tiếp).

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ.

– Bước 3: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp lại Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

– Bước 4: Cá nhân căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị (theo mẫu);

+ 02 ảnh màu cỡ 3x4 cm chụp trong năm đề nghị cấp lại;

+ Trường hợp bổ sung nội dung hành nghề đã được ghi nhận trong Chứng chỉ hành nghề đã cấp phải gửi kèm theo hồ sơ:

❖ Bản chính Chứng chỉ hành nghề đã được cấp;

❖ Các bản sao chứng chỉ, chứng nhận sau:

• Bản sao Chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng, hành nghề thiết kế xây dựng, hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình, bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành xây dựng, kiến trúc liên quan đến hoạt động đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều 9 Nghị định 61/2016/NĐ-CP; cụ thể là:

- Có chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng;
- Có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng;
- Có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng hoặc người có trình độ đại học trở lên thuộc các chuyên ngành xây dựng;
- Có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình;

• Bản sao chứng chỉ hoặc chứng nhận đã tham gia chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích;

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (hoặc Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích). (Theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 61/2016/NĐ-CP);

– Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (Theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 61/2016/NĐ-CP);

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích (sau đây gọi chung là Chứng chỉ hành nghề) được cấp cho cá nhân khi đáp ứng các điều kiện đối với từng trường hợp cụ thể sau:

– **Chứng chỉ hành nghề lập quy hoạch tu bổ di tích:**

+ Có chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng;

+ Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

– **Chứng chỉ hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích:**

+ Có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng;

+ Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

– **Chứng chỉ hành nghề thi công tu bổ di tích:**

+ Có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng hoặc người có trình độ đại học trở lên thuộc các chuyên ngành xây dựng;

+ Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

– **Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công tu bổ di tích:**

+ Có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình;

+ Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2002.

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

+ Nghị định 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

Mẫu số 07**TÊN TỔ CHỨC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

(Đối với trường hợp tổ chức
yêu cầu cấp lại Giấy chứng
nhận hành nghề)

....., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HÀNH NGHỀ BẢO QUẢN,
TU BỒ, PHỤC HỒI DI TÍCH (HOẶC CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
BẢO QUẢN, TU BỒ, PHỤC HỒI DI TÍCH)**

Kính gửi: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/
Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề hoặc Chứng chỉ hành nghề (viết bằng chữ in hoa):

.....

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Giấy CMND hoặc Mã số định danh cá nhân: Số ngày cấp/
...../ nơi cấp (đối với trường hợp cá nhân đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề):

.....

2. Nội dung:

Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề hoặc Chứng chỉ hành nghề.

- Số Giấy chứng nhận hành nghề hoặc Chứng chỉ hành nghề đã cấp:

.....

- Ngày, tháng, năm cấp:

- Lý do cấp lại:

+ Bổ sung nội dung hành nghề (nêu rõ những thông tin đề nghị bổ sung nội dung hành nghề).

+ Giấy chứng nhận hành nghề hoặc Chứng chỉ hành nghề đã được cấp bị hỏng (nêu

rõ lý do bị hỏng);

+ Giấy chứng nhận hành nghề hoặc Chứng chỉ hành nghề đã được cấp bị mất (nêu rõ lý do bị mất).

3. Cam kết: Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề (hoặc Chứng chỉ hành nghề) (gửi kèm hồ sơ); thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**TỔ CHỨC HOẶC CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN HÀNH NGHỀ
(HOẶC CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ)**

*(Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ người ký, đóng dấu đối với tổ chức)
(Ký, ghi rõ họ, tên đối với cá nhân)*

Mẫu số 06

Trách nhiệm của người được cấp Chứng chỉ hành nghề:

- Thực hiện hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích trong phạm vi cho phép của Chứng chỉ hành nghề;
- Tuân thủ các quy định của pháp luật về di sản văn hóa, về xây dựng và các quy định của pháp luật khác có liên quan;
- Không được cho người khác thuê, mượn hoặc sử dụng Chứng chỉ hành nghề;
- Không tẩy xóa, sửa chữa Chứng chỉ hành nghề;
- Xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

(Trang 4-mặt ngoài)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHỨNG CHỈ
HÀNH NGHỀ BẢO QUẢN, TU BỒ,
PHỤC HỒI DI TÍCH**

(Trang 1-mặt ngoài)

Ảnh 3x4 của người được cấp chứng chỉ (đóng dấu nổi của cơ quan cấp chứng chỉ)

.....
Chữ ký của người được cấp chứng chỉ

Thông tin của người được cấp chứng chỉ:

- Giấy CMND hoặc Mã số định danh cá nhân:.....
- cấp ngày / / tại
- Quốc tịch:

Số chứng chỉ:

(Trang 2- mặt trong)

SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH.../
SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO

- Cấp cho ông/bà:
- Ngày tháng năm sinh:
- Địa chỉ thường trú:

- Được phép hành nghề hoạt động:

1.
2.
3.
4.

Chứng chỉ có giá trị trên phạm vi toàn quốc đến ngày:.... / /

....., ngày ... / ... /
GIÁM ĐỐC
(Ký, họ và tên, đóng dấu)

(Trang 3- mặt trong)

4. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích

a) Trình tự thực hiện:

– Bước 1: Tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ và cấp biên nhận cho người nộp (trường hợp nộp trực tiếp).

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ.

– Bước 3: Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm xem xét, quyết định Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

– Bước 4: Tổ chức căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị (theo mẫu);

+ Danh sách người được cấp Chứng chỉ hành nghề quy định tại điểm c khoản 1, điểm c khoản 2, điểm c khoản 3 và điểm c khoản 4 Điều 14 Nghị định 61/2016/NĐ-CP kèm theo bản sao Chứng chỉ hành nghề, cụ thể:

• Có ít nhất 02 người được cấp Chứng chỉ hành nghề lập quy hoạch tu bổ di tích.

- Có ít nhất 03 người được cấp Chứng chỉ hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích.

- Có ít nhất 03 người được cấp Chứng chỉ hành nghề thi công tu bổ di tích.

- Có ít nhất 02 người được cấp Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công tu bổ di tích.

+ Bản sao Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích. (Theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 61/2016/NĐ-CP);

– Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích. (Theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 61/2016/NĐ-CP);

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận hành nghề) được cấp cho tổ chức khi đáp ứng đủ các điều kiện quy định đối với từng trường hợp cụ thể sau:

– **Giấy chứng nhận hành nghề lập quy hoạch tu bổ di tích:**

+ Được thành lập theo quy định của pháp luật;

+ Có đủ điều kiện hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng theo quy định pháp

luật về xây dựng;

+ Có ít nhất 02 người được cấp Chứng chỉ hành nghề lập quy hoạch tu bổ di tích.

– **Giấy chứng nhận hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích:**

+ Được thành lập theo quy định của pháp luật;

+ Có đủ điều kiện hành nghề thiết kế xây dựng theo quy định pháp luật về xây dựng;

+ Có ít nhất 03 người được cấp Chứng chỉ hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích.

– **Giấy chứng nhận hành nghề thi công tu bổ di tích:**

+ Được thành lập theo quy định của pháp luật;

+ Có đủ điều kiện năng lực của tổ chức thi công xây dựng theo quy định pháp luật về xây dựng;

+ Có ít nhất 03 người được cấp Chứng chỉ hành nghề thi công tu bổ di tích.

– **Giấy chứng nhận hành nghề tư vấn giám sát thi công tu bổ di tích:**

+ Được thành lập theo quy định của pháp luật;

+ Có đủ điều kiện năng lực của tổ chức tư vấn khi giám sát thi công xây dựng công trình theo quy định pháp luật về xây dựng;

+ Có ít nhất 02 người được cấp Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công tu bổ di tích.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2002.

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

+ Nghị định 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di

tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

Mẫu số 08**TÊN TỔ CHỨC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HÀNH NGHỀ BẢO QUẢN, TU BỒ, PHỤC HỒI DI TÍCHKính gửi: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/
Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao**1. Tên tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận hành nghề (viết bằng chữ in hoa):**

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Quyết định thành lập (số, ngày, tháng, năm quyết định) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (số, ngày cấp, nơi cấp):
.....**2. Người đại diện theo pháp luật:**

- Họ và tên (viết bằng chữ in hoa):

- Ngày, tháng, năm sinh:

- Chức danh:

- Giấy CMND hoặc Mã số định danh cá nhân: Số ngày cấp / /
nơi cấpCăn cứ quy định tại Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng..... năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, (tên tổ chức) trân trọng đề nghị Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích cho các hoạt động sau (căn cứ vào quy định tại Điều 14 Nghị định số/2016/NĐ-CP để xác định hoạt động đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề):
.....**3. Cam kết:** (tên tổ chức) chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (gửi kèm hồ sơ); thực hiện đúng quy định tại Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan.**TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN**

(Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ người ký, đóng dấu)

Mẫu số 09

**SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO
VÀ DU LỊCH/ SỞ VĂN
HÓA VÀ THỂ THAO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GCN-
SVHTTDL/SVHTT

....., ngày tháng năm

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HÀNH NGHỀ BẢO QUẢN, TU BỒ, PHỤC HỒI DI TÍCH**

**GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH/
GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO**

Căn cứ Luật di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số .../2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND, ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao,

CHỨNG NHẬN:

Tên tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận hành nghề (viết bằng chữ in hoa):

.....

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Quyết định thành lập (số, ngày, tháng, năm quyết định) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (số, ngày cấp, nơi cấp):

.....

Đủ điều kiện hành nghề (lập quy hoạch tu bổ di tích; lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích; thi công tu bổ di tích; tư vấn giám sát thi công tu bổ di tích):

1.

2.

3.

4.

Chứng nhận có giá trị trên phạm vi toàn quốc đến ngày:/...../.....

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ và tên, đóng dấu)

5. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích do hết hạn sử dụng hoặc bị hỏng

a) Trình tự thực hiện:

– Bước 1: Tổ chức đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– Bước 3: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

– Bước 4: Tổ chức căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị (theo mẫu);

+ Bản chính Giấy chứng nhận hành nghề đã được cấp;

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (hoặc Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích). (Theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 61/2016/NĐ-CP);

– Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích. (Theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 61/2016/NĐ-CP);

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận hành nghề) được cấp cho tổ chức khi đáp ứng đủ các điều kiện quy định đối với từng trường hợp cụ thể sau:

– **Giấy chứng nhận hành nghề lập quy hoạch tu bổ di tích:**

+ Được thành lập theo quy định của pháp luật;

+ Có đủ điều kiện hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng theo quy định pháp luật về xây dựng;

+ Có ít nhất 02 người được cấp Chứng chỉ hành nghề lập quy hoạch tu bổ di tích.

– **Giấy chứng nhận hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích:**

+ Được thành lập theo quy định của pháp luật;

+ Có đủ điều kiện hành nghề thiết kế xây dựng theo quy định pháp luật về xây dựng;

+ Có ít nhất 03 người được cấp Chứng chỉ hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích.

– **Giấy chứng nhận hành nghề thi công tu bổ di tích:**

+ Được thành lập theo quy định của pháp luật;

- + Có đủ điều kiện năng lực của tổ chức thi công xây dựng theo quy định pháp luật về xây dựng;
- + Có ít nhất 03 người được cấp Chứng chỉ hành nghề thi công tu bổ di tích.
- **Giấy chứng nhận hành nghề tư vấn giám sát thi công tu bổ di tích:**
- + Được thành lập theo quy định của pháp luật;
- + Có đủ điều kiện năng lực của tổ chức tư vấn khi giám sát thi công xây dựng công trình theo quy định pháp luật về xây dựng;
- + Có ít nhất 02 người được cấp Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công tu bổ di tích.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- + Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2002.
- + Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.
- + Nghị định 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

Mẫu số 07**TÊN TỔ CHỨC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*(Đối với trường hợp tổ chức
yêu cầu cấp lại Giấy chứng
nhận hành nghề)*

....., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HÀNH NGHỀ BẢO QUẢN,
TU BỒ, PHỤC HỒI DI TÍCH (HOẶC CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
BẢO QUẢN, TU BỒ, PHỤC HỒI DI TÍCH)**

Kính gửi: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/
Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề hoặc Chứng chỉ hành nghề (viết bằng chữ in hoa):

.....

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Giấy CMND hoặc Mã số định danh cá nhân: Số ngày cấp/
...../ nơi cấp (đối với trường hợp cá nhân đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề):
.....

2. Nội dung:

Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề hoặc Chứng chỉ hành nghề.

- Số Giấy chứng nhận hành nghề hoặc Chứng chỉ hành nghề đã cấp:

.....

- Ngày, tháng, năm cấp:

- Lý do cấp lại:

+ Bổ sung nội dung hành nghề (nêu rõ những thông tin đề nghị bổ sung nội dung hành nghề).

+ Giấy chứng nhận hành nghề hoặc Chứng chỉ hành nghề đã được cấp bị hỏng (nêu

rõ lý do bị hỏng);

+ Giấy chứng nhận hành nghề hoặc Chứng chỉ hành nghề đã được cấp bị mất (nêu rõ lý do bị mất).

3. Cam kết: Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề (hoặc Chứng chỉ hành nghề) (gửi kèm hồ sơ); thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**TỔ CHỨC HOẶC CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN HÀNH NGHỀ
(HOẶC CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ)**

*(Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ người ký, đóng dấu đối với tổ chức)
(Ký, ghi rõ họ, tên đối với cá nhân)*

Mẫu số 09

**SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO
VÀ DU LỊCH/SỞ VĂN
HÓA VÀ THỂ THAO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GCN-
SVHTTDL/SVHTT

....., ngày tháng năm

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HÀNH NGHỀ BẢO QUẢN, TU BỒ, PHỤC HỒI DI TÍCH
GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH/
GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO**

Căn cứ Luật di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số .../2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND, ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao,

CHỨNG NHẬN:

Tên tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận hành nghề (viết bằng chữ in hoa):

.....

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Quyết định thành lập (số, ngày, tháng, năm quyết định) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (số, ngày cấp, nơi cấp):

.....

Đủ điều kiện hành nghề (lập quy hoạch tu bổ di tích; lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích; thi công tu bổ di tích; tư vấn giám sát thi công tu bổ di tích):

1.

2.

3.

4.

Chứng nhận có giá trị trên phạm vi toàn quốc đến ngày:/...../.....

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ và tên, đóng dấu)

6. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích do bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề.

a) Trình tự thực hiện:

– Bước 1: Tổ chức đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ và cấp biên nhận cho người nộp (trường hợp nộp trực tiếp).

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ.

– Bước 3: Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm xem xét, quyết định Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

– Bước 4: Tổ chức căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị (theo mẫu);

+ Trường hợp bổ sung nội dung hành nghề đã được ghi nhận trong Giấy chứng nhận hành nghề đã cấp phải gửi kèm theo hồ sơ:

❖ Bản chính Giấy chứng nhận hành nghề đã được cấp;

❖ Các bản sao quy định tại các điểm b và c khoản 1 Điều 16 Nghị định 61/2016/NĐ-CP. Cụ thể:

- Danh sách người được cấp Chứng chỉ hành nghề quy định tại điểm c khoản 1, điểm c khoản 2, điểm c khoản 3 và điểm c khoản 4 Điều 14 Nghị định này kèm theo bản sao Chứng chỉ hành nghề;

- Bản sao Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (hoặc Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích). (Theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 61/2016/NĐ-CP);

– Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích. (Theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 61/2016/NĐ-CP);

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận hành nghề) được cấp cho tổ chức khi đáp ứng đủ các điều kiện quy định đối với từng trường hợp cụ thể sau:

– **Giấy chứng nhận hành nghề lập quy hoạch tu bổ di tích:**

+ Được thành lập theo quy định của pháp luật;

+ Có đủ điều kiện hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng theo quy định pháp

luật về xây dựng;

+ Có ít nhất 02 người được cấp Chứng chỉ hành nghề lập quy hoạch tu bổ di tích.

– **Giấy chứng nhận hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích:**

+ Được thành lập theo quy định của pháp luật;

+ Có đủ điều kiện hành nghề thiết kế xây dựng theo quy định pháp luật về xây dựng;

+ Có ít nhất 03 người được cấp Chứng chỉ hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích.

– **Giấy chứng nhận hành nghề thi công tu bổ di tích:**

+ Được thành lập theo quy định của pháp luật;

+ Có đủ điều kiện năng lực của tổ chức thi công xây dựng theo quy định pháp luật về xây dựng;

+ Có ít nhất 03 người được cấp Chứng chỉ hành nghề thi công tu bổ di tích.

– **Giấy chứng nhận hành nghề tư vấn giám sát thi công tu bổ di tích:**

+ Được thành lập theo quy định của pháp luật;

+ Có đủ điều kiện năng lực của tổ chức tư vấn khi giám sát thi công xây dựng công trình theo quy định pháp luật về xây dựng;

+ Có ít nhất 02 người được cấp Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công tu bổ di tích.

1) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2002.

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

+ Nghị định 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di

tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

Mẫu số 07**TÊN TỔ CHỨC**
-----**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----*(Đối với trường hợp tổ chức
yêu cầu cấp lại Giấy chứng
nhận hành nghề)*

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HÀNH NGHỀ BẢO QUẢN,
TU BỒ, PHỤC HỒI DI TÍCH (HOẶC CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
BẢO QUẢN, TU BỒ, PHỤC HỒI DI TÍCH)Kính gửi: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/
Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao**1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề hoặc Chứng chỉ hành nghề (viết bằng chữ in hoa):**

.....

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Giấy CMND hoặc Mã số định danh cá nhân: Số ngày cấp// nơi cấp (đối với trường hợp cá nhân đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề):
.....**2. Nội dung:**

Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề hoặc Chứng chỉ hành nghề.

- Số Giấy chứng nhận hành nghề hoặc Chứng chỉ hành nghề đã cấp:

- Ngày, tháng, năm cấp:

- Lý do cấp lại:

+ Bổ sung nội dung hành nghề (nêu rõ những thông tin đề nghị bổ sung nội dung hành nghề).

+ Giấy chứng nhận hành nghề hoặc Chứng chỉ hành nghề đã được cấp bị hỏng (nêu rõ lý do bị hỏng);

+ Giấy chứng nhận hành nghề hoặc Chứng chỉ hành nghề đã được cấp bị mất (nêu rõ lý do bị mất).

3. Cam kết: Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề (hoặc Chứng chỉ hành nghề) (gửi kèm hồ sơ); thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**TỔ CHỨC HOẶC CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN HÀNH NGHỀ
(HOẶC CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ)**

(Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ người ký, đóng dấu đối với tổ chức)

(Ký, ghi rõ họ, tên đối với cá nhân)

**SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO
VÀ DU LỊCH/ SỞ VĂN
HÓA VÀ THỂ THAO**

Mẫu số 09
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GCN-
SVHTTDL/SVHTT

....., ngày tháng năm

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HÀNH NGHỀ BẢO QUẢN, TÙ BỒ, PHỤC HỒI DI TÍCH

**GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH/
GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO**

Căn cứ Luật di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số .../2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND, ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao,

CHỨNG NHẬN:

Tên tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận hành nghề (viết bằng chữ in hoa):

.....

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Quyết định thành lập (số, ngày, tháng, năm quyết định) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (số, ngày cấp, nơi cấp):

.....

Đủ điều kiện hành nghề (lập quy hoạch tu bổ di tích; lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích; thi công tu bổ di tích; tư vấn giám sát thi công tu bổ di tích):

1.

2.

3.

4.

Chứng nhận có giá trị trên phạm vi toàn quốc đến ngày:/...../.....

GIÁM ĐỐC
(Ký, họ và tên, đóng dấu)

II. Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

I. Lĩnh vực điện ảnh

1. Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1 : Cơ sở điện ảnh đề nghị cấp giấy phép phổ biến phim đối với các thể loại phim dưới đây nộp một (01) bộ hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút):

+ Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình;

+ Cấp giấy phép phổ biến phim truyện khi năm trước liền kề, các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương đáp ứng các điều kiện:

- Sản xuất ít nhất 10 phim truyện nhựa được phép phổ biến;
- Nhập khẩu ít nhất 40 phim truyện nhựa được phép phổ biến.

- Bước 2 : Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Bước 3 : Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phim trình duyệt, Sở Văn hóa và Thể thao xem xét, tổ chức thẩm định điều kiện hành nghề theo quy định, cấp giấy phép phổ biến phim. Trường hợp không cấp giấy phép phải có Quyết định không cho phép phổ biến phim hoặc cấm phổ biến phim.

- Bước 4 : Cơ sở điện ảnh căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hoá và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
- + Đơn đề nghị cấp giấy phép (theo Mẫu);
- + Giấy chứng nhận bản quyền phim.
- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phim trình duyệt.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu phim.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép phổ biến phim hoặc Quyết định không cho phép phổ biến phim hoặc cấm phổ biến phim.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phiếu đề nghị cấp giấy phép phổ biến phim (theo Mẫu số 01/PBP Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL).
- Giấy phép phổ biến phim (theo Mẫu số 04/PBP Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL).
- Quyết định không cho phép phổ biến phim hoặc cấm phổ biến phim (theo Mẫu số 05/PBP Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL).

i) Phí, lệ phí:

Mức thu phí thẩm định kịch bản phim, thẩm định và phân loại phim như sau:

Số TT	Nội dung công việc	Mức thu (đồng)
I. Thẩm định kịch bản phim		
1	Kịch bản phim truyện (trừ quy định tại điểm 3 mục này):	
a	Độ dài đến 100 phút (1 tập phim)	4.500.000
b	Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập	
c	Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập	
2	Kịch bản phim ngắn, bao gồm: phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình (trừ quy định tại điểm 3 mục này):	

<i>a</i>	<i>Độ dài đến 60 phút</i>	<i>1.800.000</i>
<i>b</i>	<i>Độ dài từ 61 phút trở lên thu như kịch bản phim truyện.</i>	
<i>3</i>	<i>Kịch bản phim được thực hiện từ hoạt động hợp tác, cung cấp dịch vụ làm phim với nước ngoài:</i>	
<i>a</i>	<i>Kịch bản phim truyện:</i>	
<i>a.1</i>	<i>Độ dài đến 100 phút (1 tập phim)</i>	<i>7.200.000</i>
<i>a.2</i>	<i>Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập</i>	
<i>a.3</i>	<i>Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập</i>	
<i>b</i>	<i>Kịch bản phim ngắn:</i>	
<i>b.1</i>	<i>Độ dài đến 60 phút</i>	<i>2.800.000</i>
<i>b.2</i>	<i>Độ dài từ 61 phút trở lên thu như kịch bản phim truyện</i>	
II. Thẩm định và phân loại phim		
<i>1</i>	<i>Phim thương mại:</i>	
<i>a</i>	<i>Phim truyện:</i>	
<i>a.1</i>	<i>Độ dài đến 100 phút (1 tập phim)</i>	<i>3.600.000</i>
<i>a.2</i>	<i>Độ dài từ 101 -150 phút tính thành 1,5 tập</i>	
<i>a.3</i>	<i>Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập</i>	
<i>b</i>	<i>Phim ngắn:</i>	
<i>b.1</i>	<i>Độ dài đến 60 phút:</i>	<i>2.200.000</i>
<i>b.2</i>	<i>Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện</i>	
<i>2</i>	<i>Phim phi thương mại:</i>	
<i>a</i>	<i>Phim truyện:</i>	
<i>a.1</i>	<i>Độ dài đến 100 phút (1 tập phim)</i>	<i>2.400.000</i>
<i>a.2</i>	<i>Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập</i>	
<i>a.3</i>	<i>Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập</i>	
<i>b</i>	<i>Phim ngắn:</i>	
<i>b.1</i>	<i>Độ dài đến 60 phút</i>	<i>1.600.000</i>
<i>b.2</i>	<i>Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện</i>	

– *Mức thu quy định trên đây là mức thẩm định lần đầu. Trường hợp kịch bản phim và phim có nhiều vấn đề phức tạp phải sửa chữa để thẩm định lại thì các lần sau thu bằng 50% mức thu tương ứng trên đây.*

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

– Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 có hiệu lực từ ngày 01/01/2007 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009 có hiệu lực từ ngày 07/7/2010.

– Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện ảnh ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh ngày 18 tháng 6 năm 2009.

– Thông tư số 11/2011/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn thực hiện một số quy định thủ tục hành chính trong lĩnh vực điện ảnh.

– Quyết định 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 9/7/2008 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về ban hành Quy chế thẩm định và cấp giấy phép phổ biến phim. Có hiệu lực từ ngày 09/8/2008.

– *Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực điện ảnh. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.*

– Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc đổi tên Sở Văn hoá, thể thao và Du lịch thành Sở Văn hoá và Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh. Có hiệu lực từ ngày 31/10/2014.

MẪU SỐ 01/PBP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 9 tháng 7 năm 2008 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

**TÊN CƠ SỞ ĐIỆN ẢNH ĐỀ
NGHỊ THẨM ĐỊNH PHIM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

... .., ngàytháng.....năm.....

PHIẾU ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP PHỔ BIẾN PHIM

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Cơ sở điện ảnh (*tên cơ sở*) đề nghị thẩm định:

Bộ phim:

Tên gốc (*đối với phim nước ngoài*):

Thể loại (*phim truyện, phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình*):

Hãng sản xuất hoặc phát hành:

Nước sản xuất:

Năm sản xuất:

Nhập phim qua đối tác (*đối với phim nước ngoài*):

Biên kịch:

Đạo diễn:

Quay phim:

Chất liệu phim trình duyệt (*nhựa, băng hình, đĩa hình*):

Độ dài (*tính bằng phút*):

Màu sắc (*màu hoặc đen trắng*):

Ngôn ngữ:

Chủ sở hữu bản quyền:

Tóm tắt nội dung:

GIÁM ĐỐC

(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 04/PBP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 9 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

Tên cơ quan chủ quản
Tên cơ quan cấp giấy phép

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GPPBP

....., ngày tháng năm

GIẤY PHÉP PHỔ BIẾN PHIM

(CỤC TRƯỞNG CỤC ĐIỆN ẢNH HOẶC GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH, TP)

Căn cứ Quyết định sốngày tháng năm của *(Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố)* ... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của *(Cục Điện ảnh hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*;

Căn cứ Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ban hành ngày 9 tháng 7 năm 2008 ;

Xét biên bản của Hội đồng thẩm định phim ngàytháng.... năm... và đề nghị của (Phòng Phổ biến phim hoặc Phòng Nghiệp vụ)

CẤP GIẤY PHÉP PHỔ BIẾN PHIM

Bộ phim:

Tên gốc (đối với phim nước ngoài):

Thể loại (truyện, tài liệu, khoa học, hoạt hình) :

Hãng sản xuất hoặc phát hành:

Nước sản xuất:

Năm sản xuất:

Nhập phim qua đối tác (đối với phim nước ngoài):

Biên kịch:

Đạo diễn:

Quay phim:

Chất liệu phim trình duyệt (nhựa, băng hình, đĩa hình):

Độ dài (tính bằng phút):

Màu sắc (màu hoặc đen trắng):

Ngôn ngữ:

Chủ sở hữu bản quyền:

Do cơ sở điện ảnh (tên cơ sở) đề nghị thẩm định:

Chủ đề tư tưởng:

Phạm vi được phép phổ biến:

Giấy phép này được giao cho cơ sở điện ảnh đề nghị thẩm định 3 bản và lưu tại cơ quan cấp giấy phép 1 bản.

**CỤC TRƯỞNG CỤC ĐIỆN ẢNH HOẶC
GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ
DU LỊCH TỈNH, TP**

Ký tên, đóng dấu

Mẫu số 05/PBP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 9 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

Tên cơ quan chủ quản
Tên cơ quan ký quyết định

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**KHÔNG CHO PHÉP PHỔ BIẾN PHIM HOẶC CẤM PHỔ BIẾN PHIM
CỤC TRƯỞNG CỤC ĐIỆN ẢNH HOẶC GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA,
THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH, TP**

Căn cứ Luật Điện ảnh ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Nghị định số 96/2007/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2007 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện ảnh;

Căn cứ Quyết định sốngày tháng năm của (Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố) ... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (Cục Điện ảnh hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch);

Xét biên bản của Hội đồng thẩm định phim ngàytháng năm... và đề nghị của (Phòng Phổ biến phim hoặc Phòng Nghiệp vụ)

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.**

Không cho phép (hoặc cấm phổ biến) bộ phim:

Tên gốc (đối với phim nước ngoài):

Thể loại (truyện, tài liệu, khoa học, hoạt hình):

Hãng sản xuất hoặc phát hành:

Nước sản xuất:

Năm sản xuất:

Nhập phim qua đối tác (đối với phim nước ngoài):

Biên kịch:

Đạo diễn:

Quay phim:

Chất liệu phim trình duyệt (nhựa, băng hình, đĩa hình) :

Độ dài (tính bằng phút):

Màu sắc (màu hoặc đen trắng):

Ngôn ngữ:

Chủ sở hữu bản quyền:

Do cơ sở điện ảnh (tên cơ sở) đề nghị thẩm định:

Lý do:

Điều 2. Kể từ ngày ký quyết định này, cơ sở điện ảnh có bộ phim trên đây không được phép phổ biến dưới bất kỳ hình thức nào.

Điều 3. Chánh Văn phòng (Cục hoặc Sở), các Phòng chuyên môn, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận

- Như Điều 2, Điều 3
- Lưu tại cơ quan ra quyết định

CỤC TRƯỞNG HOẶC GIÁM ĐỐC SỞ

Ký tên và đóng dấu

2. Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu).

a) Trình tự thực hiện:

– Bước 1: Cơ sở điện ảnh đề nghị cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim gửi một (01) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– Bước 3: Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phim trình thẩm định, Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức thẩm định hồ sơ và cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim. Trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản nêu rõ lý do.

– Bước 4: Cơ sở điện ảnh căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép (Theo mẫu);

+ Giấy chứng nhận bản quyền phim.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phim trình thẩm định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu phim.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.

g) Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim hoặc Quyết định không cho phép phổ biến phim hoặc cấm phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Đơn đề nghị cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2013/TT-BVHTTDL);

– Giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2013/TT-BVHTTDL);

– Quyết định không cho phép phổ biến phim hoặc cấm phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2013/TT-BVHTTDL).

i) Phí, lệ phí:

Mức thu phí thẩm định kịch bản phim, thẩm định và phân loại phim như sau:

Số TT	Nội dung công việc	Mức thu (đồng)
I. Thẩm định kịch bản phim		
1	Kịch bản phim truyện (trừ quy định tại điểm 3 mục này):	
A	Độ dài đến 100 phút (1 tập phim)	4.500.000
b	Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập	
c	Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập	
2	Kịch bản phim ngắn, bao gồm: phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình (trừ quy định tại điểm 3 mục này):	
a	Độ dài đến 60 phút	1.800.000

<i>b</i>	<i>Độ dài từ 61 phút trở lên thu như kịch bản phim truyện.</i>	
<i>3</i>	<i>Kịch bản phim được thực hiện từ hoạt động hợp tác, cung cấp dịch vụ làm phim với nước ngoài:</i>	
<i>a</i>	<i>Kịch bản phim truyện:</i>	
<i>a.1</i>	<i>Độ dài đến 100 phút (1 tập phim)</i>	<i>7.200.000</i>
<i>a.2</i>	<i>Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập</i>	
<i>a.3</i>	<i>Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập</i>	
<i>b</i>	<i>Kịch bản phim ngắn:</i>	
<i>b.1</i>	<i>Độ dài đến 60 phút</i>	<i>2.800.000</i>
<i>b.2</i>	<i>Độ dài từ 61 phút trở lên thu như kịch bản phim truyện</i>	
II. Thẩm định và phân loại phim		
<i>1</i>	<i>Phim thương mại:</i>	
<i>a</i>	<i>Phim truyện:</i>	
<i>a.1</i>	<i>Độ dài đến 100 phút (1 tập phim)</i>	<i>3.600.000</i>
<i>a.2</i>	<i>Độ dài từ 101 -150 phút tính thành 1,5 tập</i>	
<i>a.3</i>	<i>Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập</i>	
<i>b</i>	<i>Phim ngắn:</i>	
<i>b.1</i>	<i>Độ dài đến 60 phút:</i>	<i>2.200.000</i>
<i>b.2</i>	<i>Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện</i>	
<i>2</i>	<i>Phim phi thương mại:</i>	
<i>a</i>	<i>Phim truyện:</i>	
<i>a.1</i>	<i>Độ dài đến 100 phút (1 tập phim)</i>	<i>2.400.000</i>
<i>a.2</i>	<i>Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập</i>	
<i>a.3</i>	<i>Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập</i>	
<i>b</i>	<i>Phim ngắn:</i>	
<i>b.1</i>	<i>Độ dài đến 60 phút</i>	<i>1.600.000</i>
<i>b.2</i>	<i>Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện</i>	

– Mức thu quy định trên đây là mức thẩm định lần đầu. Trường hợp kịch bản phim và phim có nhiều vấn đề phức tạp phải sửa chữa để thẩm định lại thì các lần sau thu bằng 50% mức thu tương ứng trên đây.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

– Phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt đến người xem phim có nội dung chưa hoàn chỉnh.

– Phòng chiếu phim:

+ Có hệ thống cách âm, không để âm thanh lọt ra bên ngoài vượt quá giới hạn về độ ồn cho phép theo quy định của pháp luật;

+ Có trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật;

+ Có các dụng cụ y tế, cơ sở thuốc phù hợp để có thể sơ cứu trong trường hợp cần thiết;

+ Có bảng khuyến cáo về sức khỏe khi xem phim đối với trẻ em dưới 06 tuổi, phụ nữ có thai, những người mắc bệnh về tim mạch, xương khớp, những người say rượu, những người mắc chứng bệnh thần kinh;

+ Có nơi giữ, bảo quản đồ đạc, tư trang của khán giả trong thời gian xem phim.

– Ghế ngồi xem phim và các thiết bị, dụng cụ:

+ Ghế ngồi xem phim và các thiết bị, dụng cụ tạo hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim phải có xuất xứ rõ ràng và đáp ứng yêu cầu về quản lý chất lượng theo quy định của pháp luật;

+ Không sử dụng ghế ngồi xem phim và các thiết bị, dụng cụ đã bị hư hỏng hoặc kém chất lượng.

– Các hiệu ứng đặc biệt:

+ Khi sử dụng các hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim phải đảm bảo an toàn về sức khỏe cho người xem, an toàn về cháy, nổ và vệ sinh môi trường;

+ Không sử dụng các hóa chất độc hại tạo hiệu ứng đặc biệt làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người xem phim.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

– Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2007.

– Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12. Có hiệu lực thi hành từ ngày 07 tháng 7 năm 2010.

– Thông tư số 20/2013/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2013 quy định

một số nội dung quản lý đối với hoạt động phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 4 năm 2014.

– Thông tư số 11/2011/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 9 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện một số quy định liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực điện ảnh. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 10 năm 2011.

– *Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực điện ảnh. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.*

– Quy chế thẩm định và cấp Giấy phép phổ biến phim ban hành kèm theo Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 09 tháng 7 năm 2008. Có hiệu lực thi hành từ ngày 09 tháng 8 năm 2008.

Mẫu số 01

(Ban hành theo Thông tư số 20/2013/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Tên cơ sở
đề nghị thẩm định phim

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP PHỔ BIẾN PHIM
CÓ SỬ DỤNG HIỆU ỨNG ĐẶC BIỆT TÁC ĐỘNG ĐẾN NGƯỜI XEM PHIM

Kính gửi: *(Cục Điện ảnh hoặc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch)*

Cơ sở điện ảnh, tổ chức, cá nhân *(họ và tên)* đề nghị thẩm định:

Bộ phim:

Tên gốc *(đối với phim nước ngoài)*:

Thể loại *(truyện, hoạt hình...)*:

Hãng sản xuất hoặc phát hành:

Nước sản xuất:

Năm sản xuất:

Nhập phim qua đối tác *(đối với phim nước ngoài)*:

Biên kịch:

Đạo diễn:

Kỹ xảo hình ảnh *(4D, 5D)*:

Chất liệu phim trình duyệt *(nhựa, kỹ thuật số, đĩa hình)*:

Độ dài *(tính bằng phút)*:

Màu sắc *(màu hoặc đen trắng)*:

Ngôn ngữ:

Chủ sở hữu bản quyền:

Tóm tắt nội dung và hiệu ứng tác động:

Người đại diện theo pháp luật

Ký tên và đóng dấu

Mẫu số 04

(Ban hành theo Thông tư số 20/2013/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Tên cơ quan chủ quản
Tên cơ quan cấp giấy phép

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số...../GPPBP

....., ngày tháng năm

GIẤY PHÉP PHỔ BIẾN PHIM

CÓ SỬ DỤNG HIỆU ỨNG ĐẶC BIỆT TÁC ĐỘNG ĐẾN NGƯỜI XEM PHIM
(CỤC TRƯỞNG CỤC ĐIỆN ẢNH HOẶC GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH, THÀNH PHỐ)

Căn cứ Luật Điện ảnh ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh ngày 18 tháng 6 năm 2009 và Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện ảnh;

Căn cứ Thông tư số 20/2013/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định một số nội dung quản lý đối với hoạt động phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của *(Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố)* ... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của *(Cục Điện ảnh hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*;

Xét biên bản của Hội đồng thẩm định phim ngày ... tháng ... năm ... và đề nghị của *(Phòng Phổ biến phim hoặc Phòng Nghiệp vụ)*,

CẤP GIẤY PHÉP PHỔ BIẾN PHIM

Bộ phim:

Tên gốc *(đối với phim nước ngoài)*:

Thể loại *(truyện, hoạt hình...)*:

Hãng sản xuất hoặc phát hành:

Nước sản xuất:

Năm sản xuất:

Nhập phim qua đối tác *(đối với phim nước ngoài)*:

Biên kịch:

Đạo diễn:

Kỹ xảo hình ảnh *(4D, 5D)*:

Chất liệu phim trình duyệt *(nhựa, kỹ thuật số, đĩa hình)*:

Độ dài *(tính bằng phút)*:

Màu sắc (*màu hoặc đen trắng*):

Ngôn ngữ:

Chủ sở hữu bản quyền:

Do cơ sở điện ảnh (*tên cơ sở*) đề nghị thẩm định:

Chủ đề tư tưởng và hiệu ứng tác động:

.....
.....

Phạm vi được phép phổ biến:

Giấy phép này được giao cho cơ sở điện ảnh đề nghị thẩm định 03 bản và lưu tại cơ quan cấp giấy phép 1 bản./.

Nơi nhận:

- Cơ sở điện ảnh đề nghị thẩm định;
- Lưu....

CỤC TRƯỞNG HOẶC GIÁM ĐỐC SỞ

(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 05

(Ban hành theo Thông tư số 20/2013/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Tên cơ quan chủ quản
Tên cơ quan cấp giấy phép

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số...../GPPBP

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

KHÔNG CHO PHÉP PHỔ BIẾN PHIM HOẶC CẤM PHỔ BIẾN PHIM CÓ SỬ DỤNG HIỆU ỨNG ĐẶC BIỆT TÁC ĐỘNG ĐẾN NGƯỜI XEM PHIM (CỤC TRƯỞNG CỤC ĐIỆN ẢNH HOẶC GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH, THÀNH PHỐ)

Căn cứ Luật Điện ảnh ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh ngày 18 tháng 6 năm 2009 và Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện ảnh;

Căn cứ Thông tư số 20/2013/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định một số nội dung quản lý đối với hoạt động phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của *(Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố)* ... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của *(Cục Điện ảnh hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*;

Xét biên bản của Hội đồng thẩm định phim ngày ... tháng ... năm ... và đề nghị của *(Phòng Phổ biến phim hoặc Phòng Nghiệp vụ)*,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Không cho phép (hoặc cấm phổ biến) bộ phim:

Tên gốc *(đối với phim nước ngoài)*:

Thể loại *(truyện, hoạt hình...)* :

Hãng sản xuất hoặc phát hành:

Nước sản xuất:

Năm sản xuất:

Nhập phim qua đối tác *(đối với phim nước ngoài)*:

Biên kịch:

Đạo diễn:

Kỹ xảo hình ảnh *(4D, 5D)*:

Chất liệu phim trình duyệt (*nhựa, băng hình, đĩa hình*) :

Độ dài (*tính bằng phút*):

Màu sắc (*màu hoặc đen trắng*):

Ngôn ngữ:

Chủ sở hữu bản quyền:

Do cơ sở điện ảnh (*tên cơ sở*) đề nghị thẩm định:

Lý do:

.....

Điều 2. Kể từ ngày ký Quyết định này, cơ sở điện ảnh có bộ phim trên đây không được phép phổ biến dưới bất kỳ hình thức nào.

Điều 3. Chánh Văn phòng (Cục hoặc Sở), các Phòng chuyên môn, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2, Điều 3
- Lưu....

CỤC TRƯỞNG HOẶC GIÁM ĐỐC SỞ

(*Ký tên và đóng dấu*)

II. Lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn

1. Thủ tục cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương

a) Trình tự thực hiện:

– Bước 1: Tổ chức muốn tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang gửi một (01) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ và cấp biên nhận cho người nộp.

Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Sở Văn hóa và Thể thao phải có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ;

– Bước 3: Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức thẩm định hồ sơ:

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức thẩm định hồ sơ và cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

– Bước 4: Tổ chức căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

– Thành phần hồ sơ:

+ 01 Đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang (Theo mẫu);

+ 01 bản nội dung chương trình, tác giả, đạo diễn, người biểu diễn; danh mục bộ sưu tập và mẫu phác thảo thiết kế đối với trình diễn thời trang;

+ 01 bản nhạc hoặc kịch bản đối với tác phẩm đề nghị công diễn lần đầu (đối với bản nhạc hoặc kịch bản sử dụng tiếng nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt và chứng nhận của công ty dịch thuật);

+ 01 văn bản cam kết thực thi đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền tác giả hoặc bản sao hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả;

+ 01 bản sao chứng thực quyết định cho phép tổ chức, cá nhân nước ngoài, cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài vào Việt Nam biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang (đối với chương trình có sự tham gia của tổ chức, cá nhân nước ngoài, cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài);

+ 01 bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đối tượng lần đầu thực hiện thủ tục hành chính và đối tượng trong quá trình hoạt động đã có hành vi vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP nộp bản sao có chứng thực hoặc mang bản gốc để đối chiếu).

– Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

+ Nhà hát; Đoàn nghệ thuật; Nhà Văn hóa; Trung tâm Văn hóa, Thể thao;

+ Doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh dịch vụ biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang;

+ Hội Văn học, nghệ thuật; cơ sở đào tạo văn hóa nghệ thuật;

+ Cơ quan phát thanh, cơ quan truyền hình;

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.

g) Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang (Theo mẫu số 01 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP);

– Giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang (Theo mẫu số 08 Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL).

i) Phí, lệ phí:

<i>Số TT</i>	<i>Độ dài thời gian của một chương trình (vở diễn) biểu diễn nghệ thuật</i>	<i>Mức thu phí (đồng/chương trình, vở diễn)</i>
<i>1</i>	<i>Đến 50 phút</i>	<i>1.500.000</i>
<i>2</i>	<i>Từ 51 đến 100 phút</i>	<i>2.000.000</i>
<i>3</i>	<i>Từ 101 đến 150 phút</i>	<i>3.000.000</i>
<i>4</i>	<i>Từ 151 đến 200 phút</i>	<i>3.500.000</i>
<i>5</i>	<i>Từ 201 phút trở lên</i>	<i>5.000.000</i>

Chương trình nghệ thuật biểu diễn sau khi thẩm định không đủ điều kiện cấp giấy phép thì không được hoàn trả số phí thẩm định đã nộp.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.***l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

- Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2016.

- Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số

79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2016. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

– Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn; phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Mẫu số 01

(Ban hành kèm theo Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ)

**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Cấp giấy phép biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang**

Kính gửi: - Cục Nghệ thuật biểu diễn, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(đối với tổ chức thuộc các cơ quan Trung ương)
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành phố...
(đối với các tổ chức thuộc địa phương)

Nhà hát (Đơn vị)..... đề nghị Cục Nghệ thuật biểu diễn (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) cấp giấy phép biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang:

1. Tên chương trình:.....
2. Nội dung chương trình:
3. Thời lượng chương trình (số phút):
4. Người chịu trách nhiệm chương trình:
5. Thời gian: Từ ngày... tháng... năm..... đến ngày... tháng ... năm.....
6. Địa điểm:.....
7. Chúng tôi xin cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu, Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người

mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2016, Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

- Chịu trách nhiệm về mọi vi phạm pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Văn thư

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY
PHÉP**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 08

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

**TÊN CƠ QUAN
CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP

Tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

Căn cứ Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu;

Căn cứ Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi Tiết thi hành một số Điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của ... *(Cơ quan cấp giấy phép)*;

Xét đề nghị ngày ... tháng ... năm ... của *(Tổ chức đề nghị cấp giấy phép)*;

Theo đề nghị của...,

CHO PHÉP:

Điều 1: ... *(Tổ chức đề nghị cấp giấy phép)* tổ chức chương trình “...”

(Kèm theo nội dung chương trình và danh sách người tham gia).

- **Thời gian:** Từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

- **Địa Điểm:**

- **Chịu trách nhiệm chương trình:**

Điều 2: Yêu cầu ... *(Tổ chức đề nghị cấp giấy phép)*, các nghệ sĩ và các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện đúng nội dung Giấy phép và các quy định tại

Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu; Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP; Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và quy định pháp luật có liên quan./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thanh tra ... (để phối hợp);
- Lưu: VT, ..., ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

2. Thủ tục cấp giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu cho các tổ chức thuộc địa phương

a) Trình tự thực hiện:

– Bước 1: Tổ chức đề nghị cấp giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu gửi một (01) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút)

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định

– Bước 3: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức thẩm định hồ sơ và cấp giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu cho các tổ chức thuộc địa phương. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp cần gia hạn thời hạn thẩm định, cấp phép cũng không quá bảy (07) ngày làm việc.

– Bước 4: Tổ chức căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

– Thành phần hồ sơ:

+ 01 đơn đề nghị cấp giấy phép phê duyệt nội dung (theo mẫu);

- + 01 danh mục tác giả, tác phẩm, người biểu diễn;
- + 01 bản nhạc và lời hoặc kịch bản văn học (đối với tác phẩm nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt có chứng nhận của công ty dịch thuật);
- + 01 bản ghi âm, ghi hình có nội dung ca múa nhạc, sân khấu;
- + 01 văn bản cam kết thực thi đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền tác giả hoặc bản sao hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả; (theo mẫu)
- + 01 bản sao chứng thực quyết định phổ biến tác phẩm và quyết định cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia biểu diễn nghệ thuật (nếu trong chương trình có sử dụng tác phẩm sáng tác trước năm 1975, tác phẩm do người Việt Nam định cư ở nước ngoài sáng tác và nghệ sỹ là người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia biểu diễn);
- + 01 mẫu thiết kế vỏ bản ghi âm, ghi hình;
- + 01 bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đối tượng lần đầu thực hiện thủ tục hành chính và đối tượng trong quá trình hoạt động đã có hành vi vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP nộp bản sao có chứng thực hoặc mang bản gốc để đối chiếu).

– Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần gia hạn thời hạn thẩm định, cấp phép cũng không quá bảy (07) ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.

g) Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do .

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Đơn đề nghị cấp giấy phép phê duyệt nội dung (Theo mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 79/2012/NĐ-CP);

– Giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc và sân khấu sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu (Theo mẫu số 12 Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL).

i) Phí, lệ phí:

Mức thu phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác như sau:

* Chương trình ca múa nhạc, sân khấu ghi trên băng đĩa:

- Đối với bản ghi âm: 200.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 150.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút).

- Đối với bản ghi hình: 300.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 200.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút).

* Chương trình ghi trên đĩa nén, ổ cứng, phần mềm và các vật liệu khác:

- Đối với bản ghi âm:

+ Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/chương trình;

+ Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 50.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 7.000.000 đồng/chương trình.

- Đối với bản ghi hình:

+ Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 2.500.000 đồng/chương trình;

+ Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.500.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 75.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 9.000.000 đồng/chương trình.

Chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác sau khi thẩm định không đủ điều kiện cấp giấy phép thì không được hoàn trả số phí thẩm định đã nộp.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

– Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

– Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính

phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2016.

– Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

– *Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2016. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.*

– Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn; phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

MẪU SỐ 06

(Ban hành kèm theo Nghị định số 79/2012/NĐ-CP
ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ)

**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Cấp giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc,
sân khấu**

Kính gửi:

- Cục Nghệ thuật biểu diễn, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(đối với tổ chức thuộc các cơ quan Trung ương)
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành phố...
(đối với các tổ chức thuộc địa phương)

Đơn vịđược thành lập ngày....thángnăm ... theo giấy phép số ... của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh, thành phố ...) cấp, có chức năng sản xuất, lưu hành và nhập khẩu bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.

Thực hiện kế hoạch của đơn vị, chúng tôi đề nghị Cục Nghệ thuật biểu diễn (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) thẩm định và phê duyệt nội dung chương trình dưới đây:

1. Tên chương trình:.....
2. Thời lượng chương trình (số phút):
3. Người chịu trách nhiệm chương trình:
4. Chúng tôi xin cam kết:

Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu, Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP; Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

- Chịu trách nhiệm về mọi vi phạm pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan.
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp

giấy phép./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Văn thư.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

MẪU SỐ 12

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

**TÊN CƠ QUAN
CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP

Phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc và sân khấu

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

Căn cứ Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu;

Căn cứ Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi Tiết thi hành một số Điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của ... *(Cơ quan cấp giấy phép)*;

Căn cứ Tờ khai hải quan hàng nhập khẩu ngày ... tháng ... năm ... *(nếu là bản ghi âm, ghi hình nhập khẩu)*;

Căn cứ Biên bản thẩm định của Hội đồng nghệ thuật ngày ... tháng ... năm ...;

Xét đề nghị ngày ... tháng ... năm ... của*(Tổ chức đề nghị cấp giấy phép)*;

Theo đề nghị của ...,

PHÊ DUYỆT:

Điều 1. Chương trình “...” *(Tên bản ghi âm, ghi hình)*.

(Có danh Mục tác phẩm, tác giả, người biểu diễn... kèm theo).

- Thời lượng chương trình: ...

- Định dạng bản ghi: ... *(CD, VCD, DVD hoặc tên thiết bị lưu trữ)*

- Người chịu trách nhiệm chương trình: ...

Điều 2. Nghiêm cấm ... *(Tổ chức đề nghị cấp giấy phép)* sửa chữa, xóa bỏ hoặc

bổ sung về nội dung, hình thức bản ghi âm, ghi hình kể từ ngày Giấy phép này được ban hành.

Điều 3. Yêu cầu.....(*Tổ chức đề nghị cấp giấy phép*) và các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện đúng nội dung Giấy phép và các quy định tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu; Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP; Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và quy định pháp luật có liên quan./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thanh tra ... (*để phối hợp*);
- Lưu: VT, ..., ..

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(*Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu*)

3. Thủ tục cấp giấy phép cho đối tượng thuộc địa phương mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang tại địa phương

a) Trình tự thực hiện:

– Bước 1: Tổ chức, cá nhân muốn mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Thành phố Hồ Chí Minh biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang gửi một (01) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ và cấp biên nhận cho người nộp.

Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Sở Văn hóa và Thể thao phải có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ;

– Bước 3: Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức thẩm định hồ sơ:

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân Thành phố cấp giấy phép cho đối tượng thuộc địa phương mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang tại địa phương. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

– Bước 4: Tổ chức, cá nhân căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ:

+ 01 đơn đề nghị cấp phép vào Việt Nam biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang (Theo mẫu);

+ 01 bản sao văn bản thỏa thuận với cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc tổ chức, cá nhân nước ngoài (bản dịch tiếng Việt có chứng nhận của công

ty dịch thuật);

+ 01 bản sao hộ chiếu và văn bản nhận xét của cơ quan ngoại giao Việt Nam tại nước sở tại (đối với cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài);

+ 01 bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đối tượng lần đầu thực hiện thủ tục hành chính và đối tượng trong quá trình hoạt động đã có hành vi vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP nộp bản sao có chứng thực hoặc mang bản gốc để đối chiếu).

– Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

+ Nhà hát; Đoàn nghệ thuật; Nhà Văn hóa; Trung tâm Văn hóa, Thể thao;

+ Doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh dịch vụ biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang;

+ Hội Văn học, nghệ thuật; cơ sở đào tạo văn hóa nghệ thuật;

+ Cơ quan phát thanh, cơ quan truyền hình;

+ Chủ địa điểm, hộ kinh doanh tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

– Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố

– Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.

g) Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép cho đối tượng thuộc địa phương mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Đơn đề nghị cấp phép vào Việt Nam biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang (Theo mẫu số 02 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP);

– Giấy phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang (Theo mẫu số 09a ban hành kèm theo Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL).

i) Phí, lệ phí:

<i>Số TT</i>	<i>Độ dài thời gian của một chương trình (vở diễn) biểu diễn nghệ thuật</i>	<i>Mức thu phí (đồng/chương trình, vở diễn)</i>
1	<i>Đến 50 phút</i>	<i>1.500.000</i>
2	<i>Từ 51 đến 100 phút</i>	<i>2.000.000</i>
3	<i>Từ 101 đến 150 phút</i>	<i>3.000.000</i>
4	<i>Từ 151 đến 200 phút</i>	<i>3.500.000</i>
5	<i>Từ 201 phút trở lên</i>	<i>5.000.000</i>

Chương trình nghệ thuật biểu diễn sau khi thẩm định không đủ điều kiện cấp giấy phép thì không được hoàn trả số phí thẩm định đã nộp.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không***l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

– Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

– Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2016.

– Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

– Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư

số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2016. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

– Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn; phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Mẫu số 02

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 79/2012/NĐ-CP
ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ)*

**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang

Kính gửi: - Cục Nghệ thuật biểu diễn, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(đối với tổ chức thuộc các cơ quan Trung ương)
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành phố...
(đối với các tổ chức thuộc địa phương)

Nhà hát (Đơn vị)..... đề nghị Cục Nghệ thuật biểu diễn (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) cấp giấy phép cho tổ chức (cá nhân) nước ngoài, cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang.

1. Tên đoàn nghệ thuật (hoặc thông tin cá nhân: Số hộ chiếu, địa chỉ liên hệ tại Việt Nam hay ở nước ngoài)

2. Nội dung chương trình:

3. Thời lượng chương trình (số phút):

4. Người chịu trách nhiệm chương trình:

5. Thời gian: Từ ngày.... tháng... năm... đến ngày.... tháng năm...

6. Địa điểm:.....

7. Chúng tôi xin cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu; Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu; Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2016; Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể

thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL.

- Chịu trách nhiệm về mọi vi phạm pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Văn thư

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

MẪU SỐ 09a

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

**TÊN CƠ QUAN
CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../QĐ-...

... .., ngày ... tháng ... năm

GIẤY PHÉP

Cho tổ chức, cá nhân nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang

**BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ...)**

Căn cứ Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu;

Căn cứ Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cơ quan cấp giấy phép;

Xét đề nghị ngày...tháng... năm ... của (*Tổ chức đề nghị cấp giấy phép*);

Theo đề nghị của,

CHO PHÉP:

Điều 1. (*Tổ chức đề nghị cấp giấy phép*) tổ chức cho ông/bà... (Hộ chiếu ... số ...) ¹ biểu diễn trong chương trình

- **Thời gian:** Từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

- **Địa điểm:**

Điều 2. ... (Tổ chức đề nghị cấp giấy phép) thực hiện thủ tục:

- Đề nghị cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP.

- Thông báo bằng văn bản về nội dung chương trình biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể thao) ... theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP và Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 3. ... (Tổ chức đề nghị cấp giấy phép) không được ủy quyền, chuyển nhượng, cho mượn, cho thuê Giấy phép này dưới mọi hình thức.

Điều 4. Yêu cầu (Tổ chức đề nghị cấp giấy phép) thực hiện đúng nội dung Giấy phép và các quy định tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu; Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP; Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 và Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và quy định pháp luật có liên quan./.

Nơi nhận:

- Đơn vị tổ chức tại Điều 1;
- Thanh tra...;
- Lưu: VT,,

BỘ TRƯỞNG
(TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

1 Lập danh mục kèm theo trong trường hợp có nhiều nghệ sỹ tham gia biểu diễn.

4. Thủ tục cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức đề nghị cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương gửi một (01) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- **Bước 3:** Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân Thành phố cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Tổ chức căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- 01 đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức cuộc thi (Theo mẫu);

- 01 đề án tổ chức cuộc thi, trong đó nêu rõ: Thể lệ cuộc thi, quy chế hoạt động của Ban tổ chức, Ban giám khảo. Với nội dung, hình thức như sau:

Tên cuộc thi thể hiện bằng tiếng Việt (trường hợp tên cuộc thi có sử dụng tiếng nước ngoài thì viết tên bằng tiếng Việt trước, tên nước ngoài sau).

- Mục đích, ý nghĩa của cuộc thi phải thể hiện rõ và phù hợp với tên gọi của cuộc thi, quy mô, phạm vi tổ chức cuộc thi.

- Thể lệ cuộc thi quy định rõ điều kiện, tiêu chí của thí sinh dự thi.
- Nội dung, trình tự tổ chức, thời gian và địa điểm tổ chức cuộc thi.
- Danh hiệu, cơ cấu giải thưởng, giá trị giải thưởng và thời gian trao giải.
- Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tổ chức cuộc thi.
- *Quyền và nghĩa vụ của thí sinh dự thi và thí sinh đạt giải.*
- Danh sách và quy chế hoạt động của Ban tổ chức, Ban giám khảo.
- *Kinh phí tổ chức cuộc thi.*
- Mẫu đơn đăng ký dự thi của thí sinh (Theo mẫu).

+ 01 bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đối tượng lần đầu thực hiện thủ tục hành chính và đối tượng trong quá trình hoạt động đã có hành vi vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định này nộp bản sao có chứng thực hoặc mang bản gốc để đối chiếu).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức Việt Nam có đăng ký kinh doanh dịch vụ văn hóa, nghệ thuật hoặc quyết định thành lập có chức năng hoạt động văn hóa, nghệ thuật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Tổ chức nước ngoài phối hợp với tổ chức Việt Nam có đăng ký kinh doanh dịch vụ văn hóa, nghệ thuật hoặc quyết định thành lập có chức năng hoạt động văn hóa, nghệ thuật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tổ chức cuộc thi tại Việt Nam.”

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.

g) Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu trong nước (Theo mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 79/2012/NĐ-CP);

– Mẫu đơn đăng ký dự thi người đẹp, người mẫu (Theo mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL);

– Giấy phép tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu trong nước hoặc quốc tế (Theo mẫu số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL).

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

– Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

– Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2016.

– Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

– *Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá,*

Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2016. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

MẪU SỐ 04

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 79/2012/NĐ-CP
ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ)*

**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Cấp giấy phép tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu trong nước**

Kính gửi: - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
*(đối với cuộc thi Người đẹp có quy mô toàn quốc,
Người đẹp quốc tế, Người mẫu quốc tế tại Việt Nam)*
- Cục Nghệ thuật biểu diễn
*(đối với cuộc thi Người đẹp có quy mô vùng, ngành,
đoàn thể Trung ương, Người mẫu có quy mô toàn quốc)*
- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
*(đối với cuộc thi Người đẹp và người mẫu trong phạm
vi địa phương)*

Đơn vị đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) cấp giấy phép tổ chức cuộc thi Người đẹp, Người mẫu tổ chức trong nước.

1. Tên đơn vị:.....
2. Tên cuộc thi:
3. Nội dung cuộc thi:
4. Người chịu trách nhiệm cuộc thi:
5. Thời gian: Từ ngày... tháng... năm..... đến ngày... tháng ... năm.....
6. Địa điểm:.....
7. Chúng tôi xin cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân

khẩu; Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP; Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

- Chịu trách nhiệm về mọi vi phạm pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan.
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Văn thư

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM DỰ CUỘC THI “...”

Kính gửi: ... *(Ban tổ chức cuộc thi “...”)*

1. Họ và tên:
2. Quốc tịch:
3. Ngày, tháng, năm sinh:/...../.....
4. Nơi sinh:
-
5. Số CMND:, ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:
6. Hộ khẩu thường trú:
-
7. Địa chỉ liên lạc:
8. Điện thoại cố định:..... Điện thoại di động:.....
9. Địa chỉ Email:
10. Facebook:
11. Nghề nghiệp:
12. Nơi học tập/ công tác:
-
13. Khi cần, báo tin cho ai? Ở đâu?
-
14. Tình trạng hôn nhân:
 - a. Độc thân
 - b. Đã kết hôn
 - c. Ly hôn
15. Trình độ học vấn:
 - a. Tốt nghiệp Phổ thông trung học
 - b. Trung cấp
 - c. Cao đẳng
 - d. Đại học
 - đ. Sau đại học
16. Đăng ký nơi tham gia sơ tuyển:
17. Cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu; Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP; Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể

thao và Du lịch và quy định pháp luật có liên quan;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của nội dung đăng ký dự thi;
- Đồng ý những Điều kiện, quy định của cuộc thi mà tôi tham gia.

Hồ sơ kèm theo gồm:

- 01 ảnh chân dung;
- 01 ảnh toàn thân;
- 01 ảnh chụp thí sinh mặc trang phục bikini;
- 01 bản sao Bằng tốt nghiệp THPT; Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời hoặc văn bản xác nhận của trường Đại học/Cao đẳng/Trung cấp đang theo học;
- 01 Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Chính quyền địa phương hoặc đơn vị đang học tập, công tác;
- 01 bản sao Giấy Khai sinh của cơ quan có thẩm quyền;
- 01 bản sao Giấy CMND hoặc Hộ chiếu của cơ quan có thẩm quyền.

..., ngày... tháng ... năm ...

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ tên)

MẪU SỐ 10

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

**TÊN CƠ QUAN
CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP

Tổ chức cuộc thi “...”

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...)**

Căn cứ Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu;

Căn cứ Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi Tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Quyết định (Nghị định) số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của ... *(Cơ quan cấp giấy phép)*;

Xét đề nghị ngày ... tháng ... năm ... của*(Tổ chức đề nghị cấp giấy phép)*;

Theo đề nghị của ...,

CHO PHÉP:

Điều 1. ... *(Tổ chức đề nghị cấp giấy phép)* tổ chức cuộc thi “.....”.

- **Thời gian:** Từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

- **Địa Điểm:**

+ Thi sơ tuyển và bán kết tại.....;

+ Thi chung kết tại

Điều 2. Yêu cầu... *(Tổ chức đề nghị cấp giấy phép)* thực hiện:

- Ban hành Quyết định thành lập, Quy chế hoạt động của Ban Tổ chức và Ban Giám khảo cuộc thi trong thời hạn 10 ngày làm việc, tính từ ngày ký ban hành Quyết định này;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc tính từ ngày kết thúc vòng thi bán kết, Đơn vị tổ chức gửi văn bản báo cáo kết quả và toàn bộ bản sao hồ sơ của các thí sinh vào vòng chung kết về ...*(Cơ quan cấp giấy phép)*;

- Trước thời hạn 10 ngày, tính đến ngày diễn ra đêm chung kết, ... *(Tổ chức đề nghị cấp giấy phép)* báo cáo cơ quan cấp phép kịch bản đêm chung kết cuộc thi;

- Tổ chức cuộc thi theo đúng nội dung Giấy phép và các quy định tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu; Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP; Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

Đề án cuộc thi và các quy định của pháp luật có liên quan. Mọi thay đổi trong Đề án tổ chức cuộc thi phải báo cáo và được sự chấp thuận của.....*(Cơ quan cấp giấy phép)*.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thanh tra ... *(để phối hợp)*;
- Lưu: VT, ...,

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH)**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

5. Thủ tục thông báo nội dung chương trình biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu.

a) Trình tự thực hiện:

– Bước 1: Trong thời hạn ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày tổ chức, tổ chức, cá nhân tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu gửi *văn bản thông báo và tài liệu kèm theo thông báo* trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– Bước 3: Trong thời hạn bốn (04) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao trả lời bằng văn bản cho đối tượng thông báo.

– Bước 4: Tổ chức, cá nhân căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản thông báo (theo mẫu) và tài liệu kèm theo Thông báo gồm:

• *Bản sao có chứng thực hoặc bản gốc để đối chiếu giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang kèm theo danh mục nội dung chương trình được phê duyệt; giấy phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang (nếu có) hoặc giấy phép*

tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu (đối với các hoạt động quy định tại Điều 9 và Điều 21 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 5 và Khoản 12 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP);

• *Danh mục nội dung chương trình gồm tên tác phẩm, tác giả và người biểu diễn (đối với chương trình biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang không phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép quy định tại Khoản 1 Điều 11, các Khoản 1 và 2 Điều 15 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP; Khoản 1 Điều 12, Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại các Khoản 7 và 8 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP).*

– Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn bốn (04) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.

g) Kết quả thủ tục hành chính: Văn bản trả lời.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Văn bản thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp, người mẫu (Theo mẫu số 01 Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL).

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

– Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

– Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2016.

– Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

– *Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2016. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.*

MẪU SỐ 01

(Ban hành theo Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
THÔNG BÁO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày tháng năm

V/v tổ chức chương trình, cuộc
thi...

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể thao)...

1. ...(Tổ chức thông báo); Mã số thuế:

- Địa chỉ:.....;

- Người đại diện theo pháp luật (viết chữ in hoa):

Giấy CMND số: ... cấp ngày/...../..... nơi cấp...;

- Số điện thoại tổ chức/cá nhân:

2. Chúng tôi trân trọng thông báo đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể thao)... việc tổ chức chương trình, cuộc thi “...”

- Thời gian tổ chức:

- Địa điểm:

- Người chịu trách nhiệm:

3. Chúng tôi cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu;

- Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP; Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL và Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và quy định pháp luật có liên quan;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu.

** Gửi kèm theo thông báo này:*

- Bản sao có chứng thực hoặc bản gốc để đối chiếu giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang kèm theo danh mục nội dung chương trình được phê duyệt; giấy phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang (nếu có) hoặc giấy phép tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu (đối với các hoạt động quy định tại Điều 9 và Điều 21 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 5 và Khoản 12 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP);

- Danh mục nội dung chương trình gồm tên tác phẩm, tác giả và người biểu diễn (đối với chương trình biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang không phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép quy định tại Khoản 1 Điều 11, các Khoản 1 và 2 Điều 15 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP; Khoản 1 Điều 12, Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại các Khoản 7 và 8 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP).

Trân trọng thông báo đề Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể thao)... biết và thực hiện công tác quản lý./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Văn thư.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
CƠ QUAN, TỔ CHỨC THÔNG BÁO**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

6. Thủ tục cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc địa phương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang

a) Trình tự thực hiện:

– **Bước 1:** Tổ chức đề nghị cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang gửi một (01) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ và cấp biên nhận cho người nộp.

Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Sở Văn hóa và Thể thao phải có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ;

– **Bước 3:** Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức thẩm định hồ sơ:

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân Thành phố cấp giấy phép cho phép tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc địa phương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

– **Bước 4:** Tổ chức căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

– Thành phần hồ sơ:

+ 01 đơn đề nghị cấp phép ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang (Theo mẫu);

+ 01 bản nội dung chương trình, tác giả, đạo diễn, người biểu diễn; danh mục bộ sưu tập và mẫu phác thảo thiết kế đối với trình diễn thời trang;

+ 01 bản nhạc hoặc kịch bản đối với tác phẩm đề nghị công diễn lần đầu;

+ 01 bản sao văn bản thỏa thuận với tổ chức nước ngoài (bản dịch tiếng Việt có chứng nhận của công ty dịch thuật);

+ 01 bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đối tượng lần đầu thực hiện thủ tục hành chính và đối tượng trong quá trình hoạt động đã có hành vi vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP nộp bản sao có chứng thực hoặc mang bản gốc để đối chiếu).

– Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

+ Nhà hát; Đoàn nghệ thuật; Nhà Văn hóa; Trung tâm Văn hóa, Thể thao;

+ Doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh dịch vụ biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang;

+ Hội Văn học, nghệ thuật; cơ sở đào tạo văn hóa nghệ thuật;

+ Cơ quan phát thanh, cơ quan truyền hình;

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

– Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố

– Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.

g) Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân Việt Nam ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang (Theo mẫu số 03 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP);

i) Phí, lệ phí:

<i>Số TT</i>	<i>Độ dài thời gian của một chương trình (vở diễn) biểu diễn nghệ thuật</i>	<i>Mức thu phí (đồng/chương trình, vở diễn)</i>
<i>1</i>	<i>Đến 50 phút</i>	<i>1.500.000</i>
<i>2</i>	<i>Từ 51 đến 100 phút</i>	<i>2.000.000</i>
<i>3</i>	<i>Từ 101 đến 150 phút</i>	<i>3.000.000</i>
<i>4</i>	<i>Từ 151 đến 200 phút</i>	<i>3.500.000</i>
<i>5</i>	<i>Từ 201 phút trở lên</i>	<i>5.000.000</i>

– Chương trình nghệ thuật biểu diễn sau khi thẩm định không đủ điều kiện cấp giấy phép thì không được hoàn trả số phí thẩm định đã nộp.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

– Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

– Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2016.

– Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

– Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định

chương trình nghệ thuật biểu diễn; phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

MẪU SỐ 03

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 79/2012/NĐ-CP
ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ)*

**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân Việt Nam ra nước ngoài biểu diễn
nghệ thuật, trình diễn thời trang**

Kính gửi: - Cục Nghệ thuật biểu diễn, Bộ Văn hóa, Thể thao
và Du lịch
(đối với tổ chức thuộc các cơ quan Trung ương)
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành phố...
(đối với các tổ chức thuộc địa phương)

Nhà hát (Đơn vị)..... đề nghị Cục Nghệ thuật biểu diễn (Sở Văn hóa, Thể thao
và Du lịch) cấp giấy phép cho tổ chức (cá nhân) ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật,
trình diễn thời trang:

1. Tên đoàn nghệ thuật (hoặc cá nhân):.....
2. Nội dung chương trình:
3. Người chịu trách nhiệm chương trình:
4. Thời gian: Từ ngày... tháng... năm..... đến ngày... tháng ... năm.....
5. Địa điểm:.....
6. Chúng tôi xin cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng
10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang;
thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc,
sân khấu, Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung
một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính

phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2016, Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- Chịu trách nhiệm về mọi vi phạm pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Văn thư

**CÁ NHÂN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)**

III. Lĩnh vực văn hóa cơ sở

1. Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh karaoke

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân đủ điều kiện gửi một (01) bộ hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Bước 3: Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao xem xét, tổ chức thẩm định điều kiện hành nghề theo quy định, cấp giấy phép kinh doanh. Trường hợp không cấp giấy phép, phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

– Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh karaoke (theo mẫu);

+ Bản sao công chứng hoặc chứng thực giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

– Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép kinh doanh karaoke hoặc văn bản từ chối cấp Giấy phép có nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh karaoke (Theo mẫu số 3 ban hành kèm theo Thông tư 05/2012/TT-BVHTT).

– Mẫu giấy phép kinh doanh karaoke (Mẫu số 25 Ban hành kèm theo Thông tư 07/2011/TT-BVHTTDL).

i) Phí, lệ phí:

– Từ 01 đến 05 phòng, mức thu lệ phí là 6.000.000đ/giấy;

– Từ 06 phòng trở lên, mức thu lệ phí là 12.000.000đ/giấy.

Đối với trường hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng, mức thu là 2.000.000 đồng/phòng.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

– Địa điểm hoạt động karaoke phải cách trường học, bệnh viện, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử - văn hóa, cơ quan hành chính nhà nước từ 200m trở lên;

– Phòng karaoke phải có diện tích sử dụng từ 20m² trở lên, không kể công trình phụ, đảm bảo điều kiện về cách âm, phòng chống cháy, nổ;

– Cửa phòng karaoke phải là cửa kính không màu, bên ngoài nhìn thấy toàn bộ phòng;

– Không được đặt khóa, chốt cửa bên trong hoặc đặt thiết bị báo động để đối phó với hoạt động kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

– Đảm bảo ánh sáng trong phòng trên 10 lux tương đương 01 bóng đèn sợi đốt 40W cho 20m²;

– Đảm bảo âm thanh vang ra ngoài phòng karaoke không vượt quá quy định của nhà nước về tiêu chuẩn mức ồn tối đa cho phép;

– Phù hợp với quy hoạch karaoke được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

– Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ ban

hành Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

– Nghị định 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 27 tháng 02 năm 2012;

– Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL ngày 16/12/2009 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số quy định tại Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng ban hành kèm Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

– Thông tư 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 6 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 25 tháng 7 năm 2011.

– Thông tư 05/2012/TT-BVHTTDL ngày 02/5/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL, Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL, Quyết định số 55/1999/QĐ-BVHTT. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 6 năm 2012;

– *Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép kinh doanh karaoke, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh vũ trường. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.*

MẪU SỐ 03

(Ban hành kèm theo Thông tư 05/2012/TT-BVHTTDL ngày 02/05/2012
của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

**TÊN TỔ CHỨC
ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH KARAOKE**

Kính gửi: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh

(viết bằng chữ in hoa)

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... ngày cấp

.....nơi cấp.....

2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép

- Địa chỉ kinh doanh:

- Tên nhà hàng karaoke (nếu có):

- Số lượng phòng karaoke:

- Diện tích cụ thể từng phòng:

3. Cam kết

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 103/2009/NĐ-CP và các văn bản pháp luật liên quan khi hoạt động kinh doanh;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ xin giấy phép kinh doanh./.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC/
CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên (đối với tổ chức)

Ký, ghi rõ họ tên (đối với cá nhân)

Mẫu số 25

(Ban hành kèm theo Thông tư 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 6 năm 2011
của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

NHỮNG ĐIỀU KIỆN PHẢI THỰC HIỆN

1. Phòng karaoke phải có diện tích từ 20m² trở lên, không kể công trình phụ.
2. Cửa phòng karaoke phải là cửa kính không màu, bên ngoài có thể nhìn thấy toàn bộ phòng.
3. Đảm bảo các điều kiện về an ninh, trật tự, cách âm, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường theo quy định.
4. Bảo đảm âm thanh vang ra ngoài phòng karaoke không vượt quá quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn mức ồn tối đa cho phép (trừ các điểm karaoke hoạt động ở vùng dân cư không tập trung). Ánh sáng trong phòng karaoke trên 10 Lux tương đương 01 bóng đèn sợi đốt 40W cho 20m².
5. Không được đặt khóa, chốt cửa bên trong hoặc đặt thiết bị báo động để đối phó với hoạt động kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
6. Không được bán rượu hoặc để cho khách uống rượu trong phòng karaoke.
7. Chỉ được sử dụng bài hát đã được phép phổ biến; băng, đĩa đã dán nhãn kiểm soát theo quy định.
8. Mỗi phòng karaoke chỉ được sử dụng một nhân viên phục vụ từ 18 tuổi trở lên; nếu nhân viên phục vụ là người làm thuê thì phải có hợp đồng lao động và được quản lý theo quy định của pháp luật về hợp đồng lao động.
9. Không được hoạt động sau 12 giờ đêm đến 8 giờ sáng, trừ khách sạn từ 4 sao trở lên được hoạt động không quá 2 giờ sáng.
10. Nghiêm cấm các hành vi khiêu dâm, môi giới và mua bán dâm, mua, bán hoặc sử dụng ma túy tại phòng karaoke.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO

GIẤY PHÉP KINH DOANH KARAOKE

Năm 20.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP
KINH DOANH KARAOKE

GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CẤP GIẤY PHÉP CHO:

- Tên tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép (*viết chữ in hoa*):
.....
- Năm sinh:/...../..... (*đối với cá nhân*)
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số :.....
ngày..... do..... cấp
- Địa chỉ kinh doanh:.....
- Tên, biển hiệu kinh doanh:.....
- Số lượng..... phòng
(*Những nội dung cần thiết khác.....*)
- Số giấy phép.....
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....

GIÁM ĐỐC
(*Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên*)

SỐ TT	VỊ TRÍ, KÍCH THƯỚC PHÒNG	DIỆN TÍCH (M ²)

2. Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh vũ trường.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ sở lưu trú du lịch đã được xếp hạng sao hoặc hạng cao cấp, nhà văn hóa, trung tâm văn hóa có tư cách pháp nhân có đủ điều kiện gửi một (01) bộ hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Bước 3: Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao xem xét, tổ chức thẩm định điều kiện hành nghề theo quy định, cấp giấy phép kinh doanh. Trường hợp không cấp giấy phép, phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vũ trường (theo mẫu);

+ Bản sao công chứng hoặc chứng thực giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày

nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở lưu trú du lịch đã được xếp hạng sao hoặc hạng cao cấp, nhà văn hóa, trung tâm văn hóa có tư cách pháp nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép kinh doanh vũ trường hoặc văn bản từ chối cấp giấy phép có nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

– Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vũ trường (Theo Mẫu số 4 Thông tư 05/2012/TT-BVHTT).

– Giấy phép kinh doanh vũ trường (Theo mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư 05/2012/TT-BVHTTDL).

i) Phí, lệ phí: Mức thu lệ phí cấp giấy phép kinh doanh vũ trường là 15.000.000đ/giấy.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ sở lưu trú du lịch đã được xếp hạng sao hoặc hạng cao cấp, nhà văn hóa, trung tâm văn hóa có tư cách pháp nhân kinh doanh vũ trường phải có các điều kiện sau đây:

– Phòng khiêu vũ phải có diện tích từ 80m² trở lên, cách trường học, bệnh viện, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử - văn hóa, cơ quan hành chính nhà nước từ 200m trở lên, đảm bảo điều kiện về cách âm, phòng chống cháy, nổ;

– Trang thiết bị, phương tiện hoạt động của phòng khiêu vũ đảm bảo tiêu chuẩn âm thanh;

– Phù hợp với quy hoạch vũ trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

– Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng;

– Nghị định 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 27 tháng 02 năm 2012;

– Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL ngày 16/12/2009 của Bộ Văn hóa, Thể

thao và Du lịch quy định chi tiết một số quy định tại Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng ban hành kèm Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ.

– Thông tư 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 7 tháng 6 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

– Thông tư 05/2012/TT-BVHTTDL ngày 02/5/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL, Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL, Quyết định số 55/1999/QĐ-BVHTT. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 6 năm 2012;

– *Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép kinh doanh karaoke, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh vũ trường. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.*

Mẫu số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư 05/2012/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 5 năm 2012 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

**TÊN TỔ CHỨC
ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH VŨ TRƯỜNG**

Kính gửi: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Tên tổ chức đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh

(viết bằng chữ in hoa)

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... ngày cấp..... nơi cấp..... (đối với doanh nghiệp)

- Số, ngày tháng năm quyết định thành lập (đối với nhà văn hóa, trung tâm văn hóa là đơn vị sự nghiệp)

2. Người đại diện theo pháp luật

- Họ và tên (viết bằng chữ in hoa):

- Năm sinh:

- Chức danh:

- Giấy CMND: Số ngày cấp/...../..... nơi cấp

3. Nội dung đề nghị cấp giấy phép

- Địa chỉ kinh doanh:

- Số lượng phòng khiêu vũ:

- Diện tích cụ thể của từng phòng khiêu vũ:

4. Cam kết

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 103/2009/NĐ-CP và các văn bản pháp luật liên quan khi hoạt động kinh doanh;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ xin giấy phép kinh doanh./.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 05

(Ban hành kèm theo Thông tư 05/2012/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 05 năm 2012 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

NHỮNG ĐIỀU KIỆN PHẢI THỰC HIỆN

1. Phòng khiêu vũ phải có diện tích từ 80m² trở lên.
2. Đảm bảo các điều kiện về an ninh, trật tự, cách âm, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường theo quy định.
3. Bảo đảm âm thanh vang ra ngoài phòng khiêu vũ không vượt quá quy định của Nhà nước và tiêu chuẩn mức ồn tối đa cho phép. Ánh sáng trong phòng khiêu vũ trên 10 Lux tương đương 01 bóng đèn sợi đốt 40W cho 20m².
4. Có nội quy hoạt động được niêm yết công khai ở vũ trường để mọi người dễ nhận biết và thực hiện.
5. Chỉ sử dụng những bài hát, tác phẩm âm nhạc được phép lưu hành để khiêu vũ; người khiêu vũ phải mặc trang phục lịch sự.
6. Khi phát hiện người say rượu, bia, người sử dụng các chất ma túy và các chất kích thích bị cấm sử dụng phải yêu cầu người đó ra khỏi vũ trường ;
7. Không cho người dưới 18 tuổi làm việc hoặc vào khiêu vũ tại vũ trường ;
8. Nếu sử dụng nhân viên phục vụ phải có hợp đồng lao động và quản lý theo quy định của pháp luật về hợp đồng lao động.
9. Không được hoạt động sau 12 giờ đêm đến 8 giờ sáng, trừ khách sạn từ 4 sao trở lên được hoạt động không quá 2 giờ sáng.
10. Nghiêm cấm các hành vi nhảy múa thoát y hoặc các hành vi khác có tính chất khiêu dâm, môi giới và mua bán dâm, mua, bán hoặc sử dụng ma túy tại vũ trường.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ.....

SỞ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

GIẤY PHÉP

KINH DOANH VŨ TRƯỜNG

Năm 20.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP
KINH DOANH VŨ TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TỈNH, THÀNH PHỐ.....
CẤP GIẤY PHÉP CHO:

- Tên tổ chức được cấp giấy phép (*viết chữ in hoa*):.....

.....
- Địa chỉ:

.....
- Họ và tên người đại diện:

- Năm sinh :/...../.....

- Chức vụ:

- Địa chỉ kinh doanh:

- Số lượng phòng khiêu vũ:

(*Những nội dung cần thiết khác.....*)

....., ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC

(*Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên*)

III. Thủ tục hành chính thay thế

1. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật.

a) Trình tự thực hiện:

– Bước 1: Cơ sở kinh doanh giám định cổ vật nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– Bước 3: Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

– Bước 4: Cơ sở kinh doanh giám định cổ vật căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị (theo mẫu);

+ Bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có giá trị pháp lý;

+ Danh sách kèm theo lý lịch khoa học (theo mẫu) và bản sao văn bằng, chứng

chỉ của các chuyên gia;

+ Bản sao quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động giữa cơ sở kinh doanh giám định cổ vật và các chuyên gia;

+ Danh mục trang thiết bị, phương tiện để thực hiện giám định;

+ Danh mục các nguồn tài liệu về cổ vật để phục vụ hoạt động giám định.

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở kinh doanh giám định cổ vật.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật (Theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 61/2016/NĐ-CP);

- Lý lịch khoa học của chuyên gia giám định cổ vật (Theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 61/2016/NĐ-CP);

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật. (Theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 61/2016/NĐ-CP);

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ sở kinh doanh giám định cổ vật phải bảo đảm các điều kiện sau:

+ Có kho lưu giữ, bảo quản hiện vật giám định.

+ Có trang thiết bị, phương tiện thực hiện giám định phù hợp với lĩnh vực đã đăng ký.

+ Có nguồn tài liệu về cổ vật để tham khảo, phục vụ hoạt động giám định cổ vật.

+ Có ít nhất 03 chuyên gia giám định cổ vật về các chuyên ngành theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

I) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2002.

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

+ Nghị định 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

Mẫu số 01**TÊN CƠ SỞ KINH DOANH
GIÁM ĐỊNH CỔ VẬT****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH
GIÁM ĐỊNH CỔ VẬT**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao

1. Tên cơ sở kinh doanh giám định cổ vật (viết bằng chữ in hoa):

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Quyết định thành lập (số, ngày, tháng, năm quyết định) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (số, ngày cấp, nơi cấp):
.....**2. Người đại diện theo pháp luật:**

- Họ và tên (viết bằng chữ in hoa):

- Năm sinh:

.....

.....

- Chức danh:

- Giấy CMND hoặc Mã số định danh cá nhân: Số ngày cấp/...../..... nơi cấp
.....

Căn cứ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật quy định tại Nghị định số.../2016/NĐ-CP ngày..... tháng năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, (tên cơ sở giám định cổ vật) trân trọng đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật.

3. Hồ sơ gửi kèm:

-
-
-

4. Cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật;
- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số.../2016/NĐ-CP ngày tháng.... năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ KINH DOANH
GIÁM ĐỊNH CỔ VẬT**

*(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ, tên, chức vụ người
ký)*

Mẫu số 02**TÊN CƠ SỞ KINH DOANH
GIÁM ĐỊNH CỔ VẬT****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

LÝ LỊCH KHOA HỌC CỦA CHUYÊN GIA GIÁM ĐỊNH CỔ VẬT**1. Thông tin cá nhân:**

- Họ và tên:; Năm sinh:; Giới tính:.....
- Giấy CMND hoặc Mã số định danh cá nhân: Số ngày cấp / /
nơi cấp.....
- Địa chỉ:
- Điện thoại:; Fax:; E-mail:.....

2. Học hàm, học vị:

- Học hàm (giáo sư, phó giáo sư):
- Học vị (tiến sĩ, thạc sĩ, cử nhân,):

3. Quá trình công tác:

- Từ năm đến năm (làm việc ở đâu):
- Từ năm đến năm (làm việc ở đâu):

4. Kinh nghiệm chuyên môn về giám định cổ vật:

a) Kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực giám định cổ vật:

.....

b) Một số công trình/dự án đã thực hiện liên quan đến giám định cổ vật:

.....

5. Cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung khai;
- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày.....tháng..... năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và các quy định pháp luật khác có liên quan.

..... ngày tháng năm

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ KINH DOANH
GIÁM ĐỊNH CỔ VẬT***(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ, tên,
chức vụ người ký)***NGƯỜI KHAI**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03

UBND TỈNH.....
**SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO
 VÀ DU LỊCH/SỞ VĂN HÓA
 VÀ THỂ THAO**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GCN-
 SVHTTDL/SVHTT

....., ngày tháng năm

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH GIÁM ĐỊNH CỔ VẬT**GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH/
 GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO**

Căn cứ Luật di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

Căn cứ Quyết định số.../QĐ-UBND, ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao,

CHỨNG NHẬN:

Tên cơ sở kinh doanh giám định cổ vật (viết bằng chữ in hoa):

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Quyết định thành lập (số, ngày, tháng, năm quyết định) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (số, ngày cấp, nơi cấp):

Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên (viết bằng chữ in hoa):

- Năm sinh:

- Chức danh:

- Giấy CMND hoặc Mã số định danh cá nhân: Số ngày cấp/...../..... nơi cấp

- Danh sách chuyên gia giám định thuộc cơ sở kinh doanh giám định cổ vật:

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Chuyên ngành	Số Giấy CMND hoặc Mã số định danh cá nhân
1				
2				
3				
.....				

Giấy chứng nhận này được cấp theo Quyết định số/QĐ-SVHTTDL ngày..... tháng ... năm.... của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao.

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

2. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật.

a) Trình tự thực hiện:

– Bước 1: Cơ sở kinh doanh giám định cổ vật thuộc một trong các trường hợp dưới đây nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút):

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật đã cấp bị mất hoặc bị hỏng;

+ Có sự thay đổi thông tin đã được ghi nhận trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật đã cấp.

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– Bước 3: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

– Bước 4: Cơ sở kinh doanh giám định cổ vật căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị (theo mẫu);

+ Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật đã được cấp đổi với trường hợp Giấy chứng nhận bị hỏng hoặc có sự thay đổi thông tin;

Trường hợp thay đổi thông tin đã được ghi nhận trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật đã cấp thì phải gửi kèm theo bản sao các giấy tờ có liên quan đến sự thay đổi thông tin.

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở kinh doanh giám định cổ vật.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật (Theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 61/2016/NĐ-CP);

– Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật. (Theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 61/2016/NĐ-CP);

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ sở kinh doanh giám định cổ vật phải bảo đảm các điều kiện sau:

+ Có kho lưu giữ, bảo quản hiện vật giám định.

+ Có trang thiết bị, phương tiện thực hiện giám định phù hợp với lĩnh vực đã đăng ký.

+ Có nguồn tài liệu về cổ vật để tham khảo, phục vụ hoạt động giám định cổ vật.

+ Có ít nhất 03 chuyên gia giám định cổ vật về các chuyên ngành theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu

lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2002.

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

+ Nghị định 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

Mẫu số 04**TÊN CƠ SỞ KINH DOANH
GIÁM ĐỊNH CỔ VẬT****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH GIÁM
ĐỊNH CỔ VẬT**Kính gửi: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/
Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao.....**1. Tên cơ sở kinh doanh giám định cổ vật đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh
doanh giám định cổ vật (viết bằng chữ in hoa):**

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

2. Nội dung: Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật.

Số Giấy chứng nhận đã cấp:

Ngày cấp:

Lý do cấp lại:

- Giấy chứng nhận đã được cấp bị mất (nêu rõ lý do bị mất);

- Giấy chứng nhận đã được cấp bị hỏng (nêu rõ lý do bị hỏng);

- Thay đổi thông tin trong Giấy chứng nhận đã được cấp (nêu rõ những thông tin đề nghị thay đổi).

3. Hồ sơ gửi kèm:

-

-

-

4. Cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ xin đề nghị cấp lại Giấy chứng

nhận đủ điều kiện hành nghề giám định cổ vật;

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số.../2016/NĐ-CP ngày...tháng...năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ KINH DOANH
GIÁM ĐỊNH CỔ VẬT**

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ, tên, chức vụ người ký)

Mẫu số 03

**UBND TỈNH.....
SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO
VÀ DU LỊCH/SỞ VĂN HÓA
VÀ THỂ THAO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GCN-
SVHTTDL/SVHTT

....., ngày tháng năm

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH GIÁM ĐỊNH CỔ VẬT**GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH/
GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO**

Căn cứ Luật di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

Căn cứ Quyết định số.../QĐ-UBND, ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao,

CHỨNG NHẬN:

Tên cơ sở kinh doanh giám định cổ vật (viết bằng chữ in hoa):

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Quyết định thành lập (số, ngày, tháng, năm quyết định) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (số, ngày cấp, nơi cấp):
.....

Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên (viết bằng chữ in hoa):

- Năm sinh:

- Chức danh:

- Giấy CMND hoặc Mã số định danh cá nhân: Số ngày cấp/...../..... nơi cấp

- Danh sách chuyên gia giám định thuộc cơ sở kinh doanh giám định cổ vật:

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Chuyên ngành	Số Giấy CMND hoặc Mã số định danh cá nhân
1				
2				
3				
.....				

Giấy chứng nhận này được cấp theo Quyết định số/QĐ-SVHTTDL ngày..... tháng ... năm.... của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao.

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

B. Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền của cơ quan khác (Phòng Kiểm tra Văn hoá phẩm xuất nhập khẩu trực thuộc Sở Văn hóa và Thể thao)

I. Lĩnh vực Xuất nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh:

1. Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa và Thể thao:

a) Trình tự thực hiện:

– **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân nhập khẩu Văn hóa phẩm trong các trường hợp dưới đây nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đến Phòng Kiểm tra Văn hoá phẩm xuất nhập khẩu thuộc Sở Văn hóa và Thể thao tại số 03 Phan Văn Đạt, phường Bến Nghé, Quận 1 từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút):

- + Văn hóa phẩm để phục vụ công việc của cá nhân, tổ chức tại địa phương;
- + Văn hóa phẩm là quà biếu, tặng có giá trị vượt quá tiêu chuẩn miễn thuế theo quy định của pháp luật;
- + Văn hóa phẩm để tham gia triển lãm, tham dự các cuộc thi, liên hoan; lưu hành, phổ biến tại địa phương;
- + Di vật, cổ vật của cá nhân, tổ chức tại địa phương;
- + Văn hóa phẩm do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ủy quyền cấp giấy phép.

– **Bước 2:** Phòng Kiểm tra Văn hoá phẩm xuất nhập khẩu tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

- + Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;
- + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– **Bước 3:** Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kiểm tra văn hoá phẩm xuất nhập khẩu thẩm định và cấp giấy phép. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trường hợp phải xin ý kiến các Bộ, ngành khác thì thời hạn tối đa là mười (10) ngày làm việc

kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

– **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Phòng Kiểm tra Văn hoá phẩm xuất nhập khẩu, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Phòng Kiểm tra Văn hoá phẩm xuất nhập khẩu thuộc Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm (theo mẫu);

+ Giấy chứng nhận bản quyền tác giả, bản dịch tóm tắt nội dung phim; giấy ủy quyền; chứng nhận hoặc cam kết sở hữu hợp pháp đối với di vật, cổ vật, cụ thể:

• Cá nhân, tổ chức nhập khẩu phim để phổ biến theo quy định của pháp luật phải cung cấp giấy chứng nhận bản quyền tác giả; hợp đồng; bản dịch tóm tắt nội dung phim.

• Cá nhân, tổ chức nhập khẩu di vật, cổ vật phải cung cấp giấy chứng nhận hoặc cam kết sở hữu hợp pháp đối với di vật, cổ vật.

• Cá nhân, tổ chức làm dịch vụ giao nhận vận chuyển văn hóa phẩm nhập khẩu cho khách hàng phải cung cấp giấy ủy quyền.

+ Bản sao vận đơn hoặc giấy báo nhận hàng (nếu có).

Cá nhân, tổ chức có trách nhiệm cung cấp văn hóa phẩm nhập khẩu và tờ khai hải quan (bản sao không cần chứng thực) để cơ quan cấp giấy phép giám định.

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

– Hai (02) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp phải xin ý kiến các Bộ, ngành khác thời hạn tối đa là mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

– Cơ quan được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Phòng Kiểm tra văn hoá phẩm xuất nhập khẩu.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí:

** Đối với tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tranh:*

- Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 300.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định;

- Từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 270.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.

- Từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 240.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định, tối đa không quá 15.000.000 đồng/lần thẩm định.

** Đối với tác phẩm nhiếp ảnh:*

- Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 100.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định;

- Từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 90.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.

- Từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 80.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.

** Đối với đồ chơi trẻ em: 650.000 đồng/lần thẩm định.*

** Đối với máy trò chơi điện tử có cài đặt chương trình trả thưởng:*

- Đối với 1 máy/lần thẩm định: 300.000 đồng/lần thẩm định.

- Đối với từ 2 máy trở lên/lần thẩm định: 500.000 đồng/lần thẩm định.

** Đối với thiết bị chuyên dùng cho trò chơi ở sòng bạc: 500.000 đồng/sản phẩm/lần thẩm định.*

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm (theo mẫu đơn ký hiệu BM.NK Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

– Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2012.

– Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm

mục đích kinh doanh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2012.

– Thông tư số 260/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định nội dung văn hoá phẩm xuất khẩu, nhập khẩu. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

– Quyết định số 1800/QĐ-UB-NC ngày 11 tháng 6 năm 1994 về việc cho phép đổi tên Phòng Quản lý xuất nhập văn hoá thành Phòng Kiểm tra Văn hoá phẩm xuất nhập khẩu.

Mẫu BM.NK

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

BM.NK

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
(nếu là cơ quan, tổ chức)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP PHÉP NHẬP KHẨU VĂN HOÁ PHẨM

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(hoặc) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân (đề nghị cấp phép).....
.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Đề nghị (tên cơ quan cấp phép) cấp phép nhập khẩu văn
hoá phẩm dưới đây:

Loại văn hoá phẩm:

Số lượng:

Nội dung văn hoá phẩm:

Gửi từ:

Đến:

Mục đích sử dụng:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng nội dung giấy phép nhập khẩu và quản
lý, sử dụng văn hoá phẩm nhập khẩu theo quy định của pháp luật./.

Người đề nghị cấp phép
(nếu là cơ quan, tổ chức phải ký tên, đóng dấu)

Mẫu BM.GP

BM.GP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

**BỘ/SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ DU LỊCH** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /VHPNK

**GIẤY PHÉP
NHẬP KHẨU VĂN HOÁ PHẨM**

Căn cứ Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh và Thông tư số .../2012/TT-BVHTTDL ngày... tháng... năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Nghị định số 32/2012/NĐ-CP.

Căn cứ đề nghị của..... tại văn bản số (hoặc đơn).....

Địa chỉ:.....

Điện thoại: Fax:

BỘ/SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Đồng ý đề:

Được nhập khẩu những văn hoá phẩm theo bảng kê dưới đây

SỐ TT	LOẠI VĂN HOÁ PHẨM	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG
Số vận đơn lô hàng hoặc giấy báo nhận hàng			

Gửi từ:.....

Đến:.....

Mục đích sử dụng:.....

... .., ngày..... tháng..... năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP

(ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Giấy phép có giá trị trong 60 ngày.

2. Thủ tục giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức ở địa phương.

a) Trình tự thực hiện:

– **Bước 1:** Cá nhân, tổ chức có văn hóa phẩm phải được giám định trước khi xuất khẩu nộp hồ sơ đề nghị giám định tại Phòng Kiểm tra Văn hoá phẩm xuất nhập khẩu thuộc Sở Văn hóa và Thể thao tại số 3 Phan Văn Đạt, phường Bến Nghé, Quận 1 từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– **Bước 2:** Phòng Kiểm tra Văn hoá phẩm xuất nhập khẩu tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– **Bước 3:** Trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong trường hợp đặc biệt, thời gian giám định tối đa không quá mười lăm (15) ngày làm việc, Phòng Kiểm tra văn hoá phẩm xuất nhập khẩu giám định, lập biên bản giám định và niêm phong văn hóa phẩm xuất khẩu cho cá nhân, tổ chức. Biên bản giám định văn hóa phẩm là cơ sở để cơ quan hải quan giải quyết thủ tục xuất khẩu văn hóa phẩm.

– **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Phòng Kiểm tra Văn hoá phẩm xuất nhập khẩu, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại trụ sở của Phòng Kiểm tra văn hoá phẩm xuất nhập khẩu trực thuộc Sở Văn hoá và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị giám định văn hóa phẩm (theo mẫu);

+ Văn hóa phẩm đề nghị giám định;

+ Bản sao quyết định cho phép hợp tác làm phim với nước ngoài của cơ quan có thẩm quyền; bản sao quyết định cho phép xuất khẩu di vật, cổ vật (bao gồm cả di vật, cổ vật tái xuất khẩu) của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

+ Tài liệu có liên quan chứng minh nguồn gốc, xuất xứ hợp pháp của di vật, cổ vật.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: Không quá mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong trường hợp đặc biệt, thời gian giám định tối đa không quá mười lăm (15) ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Phòng Kiểm tra văn hoá phẩm xuất nhập khẩu

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Biên bản giám định và niêm phong văn hóa phẩm xuất khẩu hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí:

* Đối với tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tranh:

- Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 300.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định;

- Từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 270.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.

- Từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 240.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định, tối đa không quá 15.000.000 đồng/lần thẩm định.

* Đối với tác phẩm nhiếp ảnh:

- Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 100.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định;

- Từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 90.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.

- Từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 80.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.

* Đối với đồ chơi trẻ em: 650.000 đồng/lần thẩm định.

* Đối với máy trò chơi điện tử có cài đặt chương trình trả thưởng:

- Đối với 1 máy/lần thẩm định: 300.000 đồng/lần thẩm định.

- Đối với từ 2 máy trở lên/lần thẩm định: 500.000 đồng/lần thẩm định.

* Đối với thiết bị chuyên dùng cho trò chơi ở sòng bạc: 500.000 đồng/sản phẩm/lần thẩm định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Đơn đề nghị giám định văn hóa phẩm xuất khẩu (theo mẫu BM.GĐ Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL).

– Biên bản giám định và niêm phong văn hóa phẩm xuất khẩu (theo mẫu BM.BBGĐ Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL).

– Niêm phong văn hóa (theo mẫu BM.NP Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

– Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2012.

– Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2012.

– Thông tư 04/2016/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL; Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL; Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL và Thông tư số 05/2013/TT-BVHTTDL. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

– *Thông tư số 260/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định nội dung văn hoá phẩm xuất khẩu, nhập khẩu. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.*

– Quyết định số 1800/QĐ-UB-NC ngày 11 tháng 6 năm 1994 về việc cho phép đổi tên Phòng Quản lý xuất nhập văn hoá thành Phòng Kiểm tra Văn hoá phẩm xuất nhập khẩu.

Mẫu BM.GĐ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

BM.GĐ

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
(nếu là cơ quan, tổ chức)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
GIÁM ĐỊNH VĂN HOÁ PHẨM XUẤT KHẨU

Kính gửi: Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch
(hoặc) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân (đề nghị giám định).....

Địa chỉ:

Điện thoại:

Đề nghị (tên cơ quan giám định) giám định văn
hoá phẩm xuất khẩu dưới đây:

Loại văn hoá phẩm:

Số lượng:.....

Nội dung văn hoá phẩm:.....

Gửi từ:

Đến:.....

Mục đích sử dụng:.....

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về xuất khẩu văn hóa phẩm./.

Người đề nghị giám định
(nếu là cơ quan, tổ chức phải ký tên, đóng dấu)

Mẫu BM.BBGĐ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

BM.BBGĐ

**BỘ/SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO
VÀ DU LỊCH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BBGĐNPXK

... , ngày..... tháng... .. năm.....

**BIÊN BẢN GIÁM ĐỊNH VÀ NIÊM PHONG
VĂN HÓA PHẨM XUẤT KHẨU**

Theo đề nghị của (tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị giám định) về việc

Căn cứ các quy định tại Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh và Thông tư số.../TT-BVHTTDL ngày... tháng... năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Nghị định số 32/2012/NĐ-CP.

Bộ/Sở văn hóa, thể thao và du lịch (cơ quan giám định và niêm phong) đã giám định và niêm phong số văn hóa phẩm dưới đây:

Số lượng:

Loại văn hóa phẩm:

Nội dung:

..... (đối với di vật, cổ vật phải mô tả hiện vật).

Toàn bộ số văn hóa phẩm trên đã được niêm phong

Đề nghị (tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị giám định) làm các thủ tục để xuất khẩu số văn hóa phẩm trên tại cơ quan Hải quan có thẩm quyền theo quy định./.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
GIÁM ĐỊNH VÀ NIÊM PHONG**
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu BM.NP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

BM.NP



II. Lĩnh vực nhập khẩu văn hóa phẩm nhằm mục đích kinh doanh

1. Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu

a) Trình tự thực hiện:

– **Bước 1:** Thương nhân thuộc địa phương đề nghị phê duyệt nội dung tác phẩm nhập khẩu gửi một (01) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Phòng Kiểm tra Văn hoá phẩm xuất nhập khẩu thuộc Sở Văn hóa và Thể thao tại số 3 Phan Văn Đạt, phường Bến Nghé, Quận 1 từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– **Bước 2:** Phòng Kiểm tra Văn hoá phẩm xuất nhập khẩu tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– **Bước 3:** Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kiểm tra văn hoá phẩm xuất nhập khẩu có văn bản trả lời kết quả phê duyệt nội dung tác phẩm nhập khẩu. Trường hợp không phê duyệt nội dung tác phẩm, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

– **Bước 4:** Thương nhân căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Phòng Kiểm tra Văn hoá phẩm xuất nhập khẩu, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

Văn bản phê duyệt nội dung tác phẩm là cơ sở để Thương nhân làm thủ tục nhập khẩu tại hải quan.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại trụ sở của Phòng Kiểm tra văn hoá phẩm xuất nhập khẩu trực thuộc Sở Văn hoá và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

– Thành phần hồ sơ

+ Đơn đề nghị của Thương nhân nhập khẩu (theo mẫu);

+ Hình ảnh tác phẩm nhập khẩu, nêu rõ chất liệu, kích thước, nguồn gốc của tác phẩm;

+ Hồ sơ tài liệu chứng minh nguồn gốc hoặc tài liệu chứng minh tác phẩm được chủ sở hữu hoặc người sở hữu quyền cho phép nhập khẩu.

– Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

– Cơ quan được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Phòng Kiểm tra văn hoá phẩm xuất nhập khẩu.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản phê duyệt hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí:

** Đối với tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tranh:*

- *Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 300.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định;*

- *Từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 270.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.*

- *Từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 240.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định, tối đa không quá 15.000.000 đồng/lần thẩm định.*

** Đối với tác phẩm nhiếp ảnh:*

- *Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 100.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định;*

- *Từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 90.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.*

- *Từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 80.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.*

** Đối với đồ chơi trẻ em: 650.000 đồng/lần thẩm định.*

** Đối với máy trò chơi điện tử có cài đặt chương trình trả thưởng:*

- *Đối với 1 máy/lần thẩm định: 300.000 đồng/lần thẩm định.*

- *Đối với từ 2 máy trở lên/lần thẩm định: 500.000 đồng/lần thẩm định.*

** Đối với thiết bị chuyên dùng cho trò chơi ở sòng bạc: 500.000 đồng/sản phẩm/lần thẩm định.*

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Đơn đề nghị của Thương nhân nhập khẩu (theo mẫu số 02 Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

– Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 03 năm 2015.

– *Thông tư số 260/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định nội dung văn hoá phẩm xuất khẩu, nhập khẩu. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.*

– Quyết định số 1800/QĐ-UB-NC ngày 11 tháng 6 năm 1994 về việc cho phép đổi tên Phòng Quản lý xuất nhập văn hoá thành Phòng Kiểm tra Văn hoá phẩm xuất nhập khẩu.

Mẫu 02**Đơn đề nghị của Thương nhân nhập khẩu**

(Mẫu 02 tại Phụ lục II ban hành theo Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Phê duyệt nội dung tác phẩm tạo hình/mỹ thuật ứng dụng/
tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Tên thương nhân (ghi rõ tên đầy đủ và tên viết tắt):.....
- Điện thoại:..... Fax.....
- Email:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân (Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh) số.....
4. Hồ sơ kèm theo (liệt kê các tài liệu kèm theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư này).....
5. Căn cứ Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và căn cứ quy định của pháp luật về quản lý tác phẩm tạo hình, mỹ thuật và nhiếp ảnh;
Đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định và phê duyệt nội dung tác phẩm tạo hình/mỹ thuật ứng dụng/tác phẩm nhiếp ảnh đề nghị nhập khẩu dưới đây:
- Tên tác phẩm:
- Nguồn gốc tác phẩm:
- Chất liệu, kích thước tác phẩm:
- Nội dung tác phẩm:
6. Chúng tôi xin cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định về nhập khẩu tác phẩm tạo hình/mỹ thuật ứng dụng/tác phẩm nhiếp ảnh;
- Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý tác phẩm mỹ thuật, tạo hình và nhiếp ảnh;
- Chịu trách nhiệm về mọi vi phạm pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan;
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị nhập khẩu./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA THƯƠNG NHÂN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên đối với tổ chức)

(Ký, ghi rõ họ tên đối với cá nhân)

2. Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu

a) Trình tự thực hiện:

– **Bước 1:** Thương nhân có trụ sở chính tại địa phương (không có đăng ký hoạt động đầu tư hoặc chi nhánh tại tỉnh, thành phố khác) đề nghị nhập khẩu gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Phòng Kiểm tra Văn hoá phẩm xuất nhập khẩu thuộc Sở Văn hoá và Thể thao tại số 3 Phan Văn Đạt, phường Bến Nghé, Quận 1 từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– **Bước 2:** Phòng Kiểm tra Văn hoá phẩm xuất nhập khẩu tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– **Bước 3:** Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kiểm tra Văn hoá phẩm xuất nhập khẩu sẽ có văn bản trả lời kết quả chấp thuận hoặc từ chối đề nghị nhập khẩu của Thương nhân và nêu rõ lý do.

– **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Phòng Kiểm tra Văn hoá phẩm xuất nhập khẩu, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

Văn bản chấp thuận là căn cứ để Thương nhân làm thủ tục nhập khẩu tại hải quan.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại trụ sở của Phòng Kiểm tra văn hoá phẩm xuất nhập khẩu trực thuộc Sở Văn hoá và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

– Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị nhập khẩu sản phẩm (theo mẫu);

+ Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các loại giấy tờ xác nhận tư cách pháp lý có giá trị tương đương khác và Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh (nếu có);

+ Hồ sơ tài liệu chứng minh nguồn gốc hợp pháp của sản phẩm hàng hóa đề nghị nhập khẩu (kèm theo văn bản dịch ra tiếng Việt);

+ Bản mô tả nội dung, hình ảnh, cách thức vận hành/sử dụng, chủng loại, số lượng, tính năng của từng loại hàng hóa và các thông tin liên quan khác đến sản phẩm nhập khẩu (nếu có);

+ Mẫu sản phẩm đề nghị nhập khẩu.

– Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

– Cơ quan được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Phòng Kiểm tra văn hoá phẩm xuất nhập khẩu.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí:

** Đối với tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tranh:*

- Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 300.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định;

- Từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 270.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.

- Từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 240.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định, tối đa không quá 15.000.000 đồng/lần thẩm định.

** Đối với tác phẩm nhiếp ảnh:*

- Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 100.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định;

- Từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 90.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.

- Từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 80.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.

* Đối với đồ chơi trẻ em: 650.000 đồng/lần thẩm định.

* Đối với máy trò chơi điện tử có cài đặt chương trình trả thưởng:

- Đối với 1 máy/lần thẩm định: 300.000 đồng/lần thẩm định.

- Đối với từ 2 máy trở lên/lần thẩm định: 500.000 đồng/lần thẩm định.

*. Đối với thiết bị chuyên dùng cho trò chơi ở sòng bạc: 500.000 đồng/sản phẩm/lần thẩm định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị nhập khẩu sản phẩm (theo mẫu số 05 Phụ lục II Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

– Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 03 năm 2015.

– Thông tư số 260/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định nội dung văn hoá phẩm xuất khẩu, nhập khẩu. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

– Quyết định số 1800/QĐ-UB-NC ngày 11 tháng 6 năm 1994 về việc cho phép đổi tên Phòng Quản lý xuất nhập văn hoá thành Phòng Kiểm tra Văn hoá phẩm xuất nhập khẩu.

Mẫu 05

(Ban hành theo Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

TÊN THƯƠNG NHÃN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn
có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Tên thương nhân (ghi rõ tên đầy đủ và tên viết tắt):.....
- Điện thoại:..... Fax.....
- Email:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân (Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh...) số.....
4. Hồ sơ kèm theo (liệt kê các tài liệu kèm theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 8 Thông tư này)
5. Căn cứ Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và căn cứ quy định của pháp luật về nhập khẩu sản phẩm có nội dung văn hóa;
Đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn nhập khẩu dưới đây:
 - Tên hàng hóa:.....
 - Số lượng và danh mục hàng hóa xin nhập khẩu:.....
 - Mô tả nội dung, đặc điểm, tính năng, chủng loại, cách thức sử dụng/vận hành của từng loại hàng hóa và các thông tin liên quan khác theo yêu cầu tại điểm b khoản 3 Điều 8 Thông tư này:
 - Theo hợp đồng nhập khẩu số:.....
 - Tại cửa khẩu:.....
 - Mục đích - địa điểm nhập khẩu/lắp đặt/sử dụng/phân phối:.....
6. Chúng tôi xin cam kết:
 - Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về các điều kiện nhập khẩu, lưu hành, phổ biến sản phẩm văn hóa;

- Chịu trách nhiệm về mọi vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ.
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị nhập khẩu./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA THƯƠNG NHÂN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên đối với tổ chức)

(Ký, ghi rõ họ tên đối với cá nhân)